

AN - LAC

Tạp chí : ra ngày .1 và .15 mỗi tháng

Quản - Nhiệm

ĐẠI - ĐỨC THÍCH - THÔNG - BỬU

Tòa soạn : Chùa Quán-thế-Âm 68 Nguyễn-Hữu-Phủ Nguyễn



SỐ II

ra ngày

30-4-1967

- **Vị Thánh Tăng**
 - * T.T Minh Châu
- **Lễ quy y cho đàn bò**
 - * Đ.D. T. THÔNG-BỬU
- **Muốn có một Chính Phủ mạnh**
 - * Long Nga — Trần như Nguyễn
- **Ôi Miền Trung (Thơ)**
 - * Song-Thanh
- **Trách nhiệm sau này về ai (Thơ)**
 - * Nguyễn Văn Phụng

và còn nhiều bài chọn lọc giá trị của
những cây bút quen thuộc

Ai ai cũng sợ gươm đao;
ai ai cũng sợ sự chết,
vậy nên lấy lòng mình suy
lòng người;

CHỚ GIẾT
chớ bảo người khác giết



AI THẮNG

NHÌN bìa quyền báo thấy hai chữ An Lạc, tên một nhà Sư làm chủ, nhiệm, lật trang đầu thấy bài phong với đề tài AI THẮNG, khó hiểu thật.

Vô lễ người chủ-trương và lên tờ báo như vậy, mà lại chuyên bàn luận về chính trị ư! Còn nếu không bàn luận đến chính-trị, thì làm gì dám quả quyết nêu lên loạt bài với nhan đề «Ai Thắng». Có thắng thì ắt có bại mà thắng bại tức là đấu tranh, mưu mẹo dặt gài. Muốn bàn nói diềm đó cho tỉnh tường thì người ấy phải thông hiểu rất nhiều về chính trị.

Luật Sadi bộ quy-sơn cảnh-sách có đoạn.

«— Giảng quốc độ chi phong hung, luận phong tục chi mỹ ố, dĩ chí công thương tế vụ, thị tỉnh nhân đàm biên bỉ binh qua, trung nguyên khẩu tặc. Văn chương kỹ-nghệ, y thực quý tài,, tự thị sở trường, ăn tha hảo sự

Du dương hiền quá, chỉ trích vi hà, ký quai phước nghiệp,
vô ích đạo tâm.)

Dịch nghĩa : Giảng nổi việc thịnh suy trong nước, với luận
việc tốt xấu phong tục, nhấn đến việc nhỏ, làm thợ, kẻ đi buôn và
lời răn rằng nơi chợ giềng, bình trận bên ngoài và lời giặc già trong
nước. Cùng văn-chương nghề nghiệp, áo cơm của tiền, cày mình tài hay
ăn việc tốt của người và vạch bày tội lỗi, chỉ trích những từ viết
nhỏ của kẻ khác ; như vậy đã trái việc làm phước, lại không ích chi
với tâm của người tu.

Đọc qua đoạn này rồi so với đề «Ai Thắng» chắc đọc
giả lấy làm ngạc nhiên lắm. Nhưng khoan đã, quý vị đọc
cho hết loạt bài, xem cho hết quyền báo và theo dõi
bảy tám số, đề xem người Chủ-trương, tờ An lạc có chỗ
nào đi ngược lại giáo lý của Như-Lai không.

Hơn nữa quý vị đã đọc luật thì phải thông luật,
đừng đọc một đoạn hiểu sai lầm một vài chỗ rồi vội hủy
báng, chín e không được phước và luật nêu lên đề khuyên
nhũ những kẻ «*kiết liễu trụ đầu huyên huyên dân thuyết
nhưn gian tạp thoại*», chứ còn với dụng ý đem giáo lý đề cập mà
giúp đời thì luật cũng có chỗ ghi «*thuyết pháp khuyến thiện,
dụng vô hoảng hóa, như tư báo đức thực năng gia điền* —
(nói phương pháp khuyên dân chúng làm lành, là mục

đích giúp sự giáo hóa cho Quốc gia, trả ân đức như vậy, có chi hơn được.)

Vậy thì loạt bài chúng tôi sắp đề cập đây tức là tìm ra AI THẮNG cũng thuộc vào đề «thực năng gia diên»



AI - THẮNG

Trong một cuộc chạy đua bất cứ với một mục đích nào cũng phải có một người thắng cuộc và nhiều người thua cuộc. Hiện tại cuộc chạy đua của chúng ta đây là cuộc chạy đua tiêu hao nhân mạng, đề đi đến không như vậy thì cả hai bên không ai thắng ai cả. Chỉ có một người : thắng. Người đó đó là...



Đức Phật Thích Ca mâu-ni đã nói trong kinh TRƯỜNG A HÀM.

«— Lúc bấy giờ Vua A XÀ THẾ nước Ma kiệt muốn cử binh sang đánh nước BẠT KỶ.

(Như bây giờ
miền
vậy.)

miền

Nhưng Vua A-xà-Thế không biết thắng bại lẽ nào vì nhận thấy nước BẠT KỶ quá mạnh, nhà vua bèn đề cử vị Đại thần Võ-xá thay mặt nhà Vua đến núi Kỳ Xà-Quật, mà dâng Lễ Đức-Thế-Tôn vào thưa hỏi việc sắp đi đánh nước PẬT KỶ thắng bại lẽ nào. Đại thần Võ Xá lãnh mạng, đến nơi dâng lễ xong, quỳ thưa Đức Thế-Tôn. Bạch Đức Thế-Tôn dân xứ Bạt Kỳ ỷ mạnh không chịu thần phục nhà vua, nhà vua A-xà-Thế muốn sang đánh, chẳng hay Đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì không ?

Lúc đó Ngài A-Nan đang cầm quạt đứng hầu bên Phật. Phật hỏi A-NAN.

— Ông có nghe dân nước BẠT KỶ, thường nhóm họp bàn việc *chính sự* không ?

— Ngài A-Nan đáp Dạ bạch có nghe.

— Phật bảo nếu vậy thì trẻ già hòa thuận, nước đó lại còn mạnh thêm, và được yên ổn lâu dài không thể xâm hại được.

Này A-Nan ! Người có nghe nước Bạt-Kỳ Vua tôi *hòa thuận* trên dưới kính nhường nhau không ?

— Dạ bạch có nghe.

Nếu vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng

mạnh thêm và được yên ổn lâu dài không thể xâm hại được.

Này A-Nan ! Người có nghe dân nước Bạt Kỳ thường *tôn trọng pháp luật*, hiểu điều cấm kỵ chẳng trái lẽ độ không ?

— Dạ bạch — có nghe.

Nếu vậy thì nước đó càng mạnh thêm và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-Nan ! Người có nghe Dân nước Bạt Kỳ thường *hiếu dưỡng* cha mẹ, *kính thận* sư trưởng không ?

— Dạ bạch — có nghe

Nếu vậy thì nước đó càng mạnh thêm và yên ổn lâu ngày, không thể xâm hại được.

Này A-Nan ! Người có nghe dân nước Bạt Kỳ thường *tôn trọng* miếu mạo, *kính nể* quý thần không ?

— Dạ Bạch — có nghe.

Nếu vậy thì nước đó càng mạnh thêm, và yên ổn lâu ngày, không thể xâm hại được.

Này A-Nan ! Người có nghe Dân nước Bạt kỳ thường *giữ gìn khuê môn* chính đính, *thanh khiết* cũng chẳng tà vạy hay không ?

— Dạ bạch có nghe.

Nếu vậy thì nước đó càng mạnh thêm và yên ổn lâu

ngày, không thể xâm hại được.

Này A-Nan ! Người có nghe dân nước Bạt Kỳ thường *tôn thờ sa môn*, kính người trì giới và thần cận ủng hộ chẳng biếng nhác không ?

— Dạ bạch — có nghe. (A-Nan đáp)

— Nếu vậy thì nước đó càng mạnh thêm và yên ổn lâu ngày không thể xâm hại được.

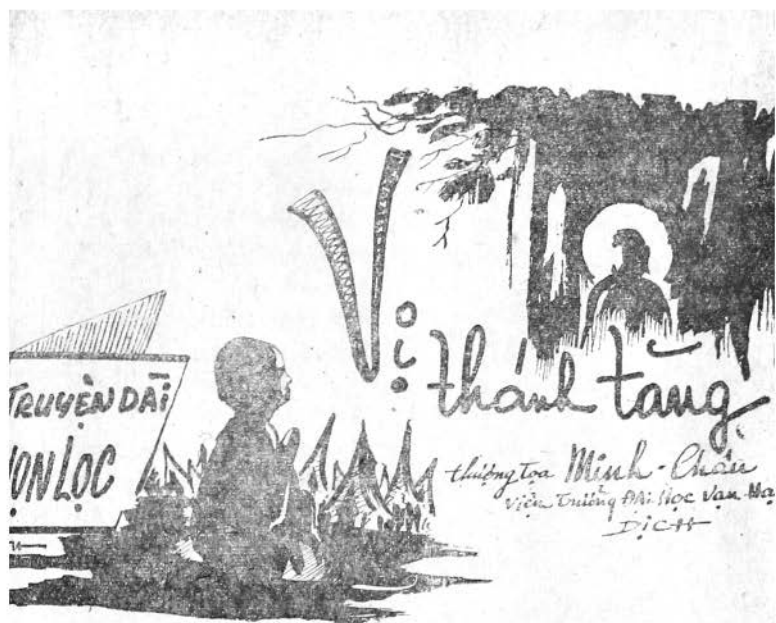
xxx

Đại thần vô xá đứng một bên được nghe cả như vậy, liền lay Phật lui về tâu lại với vua A-Xà-Thế đề xin rút lui ý kiến định đánh nước Bạt Kỳ. Vì biết rằng có đem vạn triệu binh hùng tướng Soái đi chẳng nữa cũng bằng vô ích đối với lòng dân và phép trị quốc của xứ Bạt Kỳ.

Đọc sơ qua chỉ một đoạn kinh chúng ta đã thấy Đức Phật là một nhà chính trị đại tài và với mục đích loại bài này là muốn đem giáo lý của Ngài mà nêu lên, nhắc lại cho mọi người. Còn việc *AI THẮNG*, ai bại xin nhường lại bạn đọc cùng quý bậc cao minh suy luận và quyết đoán. Nơi đây chúng tôi chỉ tạm tóm lược rằng nếu một trong hai phe nhận thấy mình đã có đủ bảy điều vừa nêu trong kinh Trường A Hàm thì phần thắng chắc chắn sẽ nằm về phe mình, bằng trong tất cả hai phe không ai có được bảy điều vừa nêu trên thì phần thắng ấy chắc chắn sẽ về tay của một kẻ khác.

Kẻ khác là ai ? Ai là người đã nắm đủ những yếu tố của Trường-A-Hàm : người ấy đang đứng gần bên ngọn cờ thắng Cuộc.

THÔNG-BỬU



CHƯƠNG I NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

TƯƠNG lai đạo Phật Tích Lan vào khoảng những năm 1860 của thế kỷ vừa qua thật là ảm đạm, những làn sóng tiếp nối của các cuộc xâm lăng Bồ-đào-Nha, Hòa-Lan và Anh-cát-Lợi đã làm trôi bặt phần lớn văn hóa cổ truyền của đất nước. Những nhà truyền giáo ào xuống trên hòn đảo màu đỏ đồng như một đám mây châu chấu; những trường

học đạo Thiên Chúa được mở ra cùng khắp; trong những trường ấy Thiếu niên và Thiếu nữ Phật tử bị nhồi sọ bằng những bài trích trong thánh kinh và được dạy phải biết hồ thẹn về Tôn giáo, văn hóa quốc ngữ, giọng giống và màu da của chính mình. Thái độ của những giáo sĩ được phát biểu một cách trắng trợn nơi những câu thơ của một bài Thánh ca của Heber, vị tông chủ rất nổi danh của đạo cơ đốc. Bài Thánh ca ấy mãi đến nay vẫn còn được hát trong những nhà thờ khắp nước Anh

mặc dầu không với một lòng
tin tưởng như thừa dầu mới
được viết ra :

*Còn có nghĩa gì những làn
gió đượm hương*

*Thời nhè nhẹ trên Tích-Lan
hải đảo*

*Khi mọi hình ảnh đều troⁱ
vui êm đẹp*

*Riêng có lòng người hèn mạt
đốn cùng*

*Dầu với lòng thương khôn
cùng bến hạn*

*Ơn Chúa ban tặng, tung vãi
khắp trời*

*Kẻ vô thần đắm mình trong
mù quáng*

Vẫn cúi lạy gỗ đá mê mờ...

Dưới thời cai trị của người Hòa Lan, một điều luật đã buộc các Phật tử phải tự xưng là theo đạo Thiên Chúa; và trong thời nội thuộc nước Anh, điều luật ấy còn được ban hành thêm 70 năm nữa, và chỉ được bãi bỏ vào năm 1884, khi Đại Tá Olcott, thay mặt toàn thể Phật tử Tích Lan can thiệp đến vị Tổng bí thư bộ thuộc địa tại Luân Đôn.

Những đứa con mới đẻ mà cha mẹ là Phật tử đều bắt buộc phải khai tại nhà thờ, và một tên trích trong thánh kinh được dành cho chúng. Kết quả là một số đồng nhũn người Cingala, hoặc là một tên thuộc đạo Thiên Chúa nước Anh và một bí danh Cingala nếu họ thuộc đạo Cơ đốc. Một số đồng Phật-tử lấy làm hồ thẹn hay sợ hãi về việc tự xưng mình là Phật tử; và chỉ riêng tại những làng mạc thuộc nội địa, giáo pháp của đức Thế Tôn mới còn lưu lại ít dấu vết của thời hưng thịnh và sức mạnh xưa; tuy rằng tại những chỗ ấy, đạo Phật vẫn không thoát khỏi sự công kích của hàng ngàn «con chiên» mới mộ vào bầy, những hạng người này với một số tiền 20 Roupies (khoảng 140 đồng Đông Dương), đã sẵn sàng đi khắp mọi nơi đề vu cáo thóa mạ Tôn giáo cổ truyền của ông Cha. Các vị tu sĩ trong tăng giới, trừ một số ít đáng kính phần đông rất kém về học thức và tinh thần. Giới luật tu hành rời rạc, pháp môn quán

trông bị bỏ rơi rồi quên hẳn. Và hình như đối với những Phật tử chơn chính tôn kính Phật Pháp Tăng, đạo Phật, sau 20 thế kỷ huy hoàng ngự trên tâm trí giống giống Cingala, sẽ phải bị «quảng bỏ như vật vô dụng trong hư không» và bị «xua đuổi đắm chìm trong biển xanh Á-rập bởi hiến binh của những đạo quân Thiên-Chúa thắng trận, nhưng sự thật không thể như vậy. Dầu cho nay, số phận của Phật Pháp bị chìm sâu, nhưng ánh sáng của quốc nghiệp (National karma) đã lại tự bắt đầu chói sáng, và những sức mạnh lớn lao đã được phát động đề trong tương lai nâng cao đạo Phật lên một địa vị càng cao so sánh với địa vị thấp kém hiện giờ.

Một trong số những gia đình khá giả mà trải qua mọi thử thách khổ đau, vẫn vững vàng cương quyết, can đảm đứng về phía lòng tin tưởng của Tổ tiên, là gia đình Hewavitarne ở Matara, thuộc Nam Tích Lan. Hewavitarne

Dingiri Appuhamy, vị gia trưởng của gia đình này thuộc giống họ Gvigama đáng kính và đông đảo một giống họ đã đào tạo nên phần đông các nhà tu sĩ. Ông có hai người con, cả hai đều tin tưởng Phật Pháp như ông. Một trong hai người con này xuất gia thành vị tỷ kheo pháp danh Hihatiya Atthadarsi và trụ trì ngôi chùa Hihatiya raja Mahavihara. Vị bôn sư đại đức Mirissa Revata, là thuộc hệ phái thứ tư của môn phái Shangharaja Saranankara, một trong những tên có danh tiếng nhất của đạo Phật Tích Lan thuộc thế kỷ thứ 18. Người con thứ hai Don Carolis Hewavitarne, dời nhà về Colombo, lập một xưởng chế tạo đồ vật tại Pettah và kết hôn với ái nữ nhà doanh nghiệp Andris Perera Dharmagunawadena. Vị này có một miếng đất tại Maligakanda và đã xây dựng trên ấy một ngôi trường «Piri vena» (trụ sở Trung học Phật Giáo) đầu tiên ở Tích Lan, và thỉnh một Đại Đức ở làng rất xa, làng Hikkaduma làm quản đốc

ngôi trường, Bắt đầu từ đó những tên của Vidyodaya Ririvena và Hikkaduma sirisumangala Maha Nakaya Thera đã đứng liền bên nhau, tạo một địa vị quan trọng trong lịch sử đạo Phật thế giới.

Don Carolis và người vợ trẻ Mallika đều tha thiết muốn có một người con, và họ thật sung sướng khi biết lời cầu nguyện sắp được như ý. Tuy ước nguyện của hai vợ chồng giống nhau, nhưng lý do thì hoàn toàn khác biệt. Trong lúc Hewavitarne mong có một đứa con kế nghiệp nhà, thì vợ chàng lại mộng ước một đứa con mai sau trở thành tỷ kheo để hướng dẫn dân tộc Cingalese, đã từ lâu bị dốt đi lầm hướng, trở lại với «Tám con đường chánh» của Đức THÍCH CA. Mỗi bữa sáng, trước khi mặt trời mọc, người vợ trẻ chưa quá hai mươi tuổi đã hái một khay bông sứ năm cánh thơm dịu và cùng với đèn dầu dừa và hương. Nàng dâng cúng dưới chân Đức Phật để nguyện cầu sinh được một người con có

thể đốt lại ngọn đuốc Chánh Pháp để soi sáng hòn đảo tối tăm này. Và nàng cũng làm như thế mỗi buổi chiều, dưới chân một pho tượng Phật tạc theo hình tượng đức Phật ở Aiuma Dhapura, một thánh tích mà chỉ nội cái tên của nó không thôi đã đủ làm sống dậy trong tâm tư của mỗi người Cingala cả một nỗi quan hoài không tả xiết khi hồi tưởng, lại những giờ phút huy hoàng thịnh vượng cả về vật chất lẫn tinh thần của những thời đại xưa.

Làm sao ai có thể biết được những năng lực tinh thần huyền diệu phát xuất từ những tâm linh giải thoát của thời xưa, đã xuyên qua bức tượng Phật và đi sâu vào tâm tư sẵn sàng thọ lãnh của nàng thiếu phụ Cingala này, để thấm nhuần đóa sen nguyện ước của nàng bằng những hạt sương mai từ bi an tịnh, lọc sạch tâm tư nàng, cho đến khi nàng xứng đáng là chỗ chứa đựng một Vị Thánh nhân mà những hoạt động mai sau

vượt ngoài trí tưởng tượng và ước mộng của chính nàng. Khi gần đến kỳ sinh nở, các vị Tỷ Kheo được mời về nhà tụng kinh, và những đêm trăng tròn ba tháng trước sinh kỳ, nhà nàng vang dậy những lời Thánh Kinh Pali huyền diệu. Và đến đêm ngày 17 tháng 9, tại Pettah ở Colombo, một địa điểm mà Tôn Giáo và văn hóa quốc gia đã bị chôn vùi trong hố sâu thấp nhất của sự suy đồi, và như đề đánh tan sự độc ác ngay chính nơi trung tâm của độc ác, Ngài Dharma-pala đã chào đời, chẳng khác nào một làn chớp sáng xuất hiện giữa vùng trời giông tố tối tăm.

Vị thiếu niên David Hewavitarne — tên của Ngài — được sinh trưởng trong không khí tín ngưỡng Cingala cổ truyền. Mỗi ngày buổi sáng và buổi chiều, chàng thường quỳ trước bàn Phật. Bên cạnh mẹ cha, quy y Phật Pháp Tăng tự hứa giữ năm giới luật và hát những bài cúng dường mà

trải qua hai mươi lăm thế kỷ hàng triệu Phật tử đã dùng để phát biểu lòng biết ơn và tin kính đối với vị đầu tiên đã chỉ cho nhân loại con đường đến Niết-Bàn. Sự hành trì của chàng theo lời Phật dạy thật là nghiêm cần, vì mẹ chàng luôn có mặt ở bên chàng đề, lắng những lời lẽ dịu dàng từ tốn, sẵn sàng chỉ cho chàng những lỗi lầm nếu có đối với giới luật, giúp chàng đi đúng trên nẻo đường «tránh ác giữ lành» một điều hiển nhiên trong khoa giáo dục tâm lý học, là những gì một trẻ em thọ lãnh trong thời thơ ấu, hẳn sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến đời sống của nó mãi sau; và thân thể của Dharma-pala là một chứng minh cho định luật này. Niềm tin kính sâu đậm và tự nhiên của chàng đối với đức Phật, sự gìn giữ một cách hồn nhiên những giới luật căn bản và giản dị của giáo pháp, trải qua những phiền toái và cám dỗ của đời sống hiện kim, lòng thương yêu mãnh liệt

của chàng đối với tất cả những gì trong sáng và đẹp đẽ, cũng như mỗi khinh rẽ tuyệt đối của chàng đối với những gì nhơ bẩn xấu xa, tất cả tâm thức đó mai sau của chàng chỉ là sự sai hoà kết quả của những hạt giống đã được gieo trên thửa đất phì nhiêu của tuổi trẻ đời chàng; đó chính là những lời khuyên nhủ đầy tình yêu thương của «mẹ» và một nếp sống kiểu mẫu đạo đức của «cha». Một đời sống như đời sống của chàng, đầy đầy những kết quả tốt đẹp cho nhân loại, cũng đủ đề nghị phục những ai còn nghi hoặc về khả năng nuôi dưỡng các trẻ em Phật tử trong bầu không khí cổ truyền về sự áp dụng cho chúng, trong buổi ấu thơ cả hai phần trí dục và đức dục theo giáo pháp vô thượng của đức Như Lai không có sự giáo dục tôn giáo trong thời thơ ấu, rất có thể chàng tuổi trẻ David khi lớn lên sẽ đội mũ cao mặc quần

(theo kiểu người Anh; người Tích Lan bận xà rồng), nói tiếng Anh với gia đình, nói tiếng Cingalese với đầy tớ cũng như hàng ngàn người trẻ tuổi đồng quốc tịch và Dharmapala, con sư tử của đảo LanKa (Tích Lan), có thể sẽ không bao giờ hiện hữu và chúng ta sẽ không lường được sự khốc hại cho Ấn Độ, cho đạo Phật và cho thế giới về một tai nạn đường kia. - Chúng ta không bao giờ nên quên rằng lòng tin ngưỡng đặc biệt của giòng họ Cingla tự ngàn xưa chính là chân đứng và nền tảng của toàn đức tính Dharmapala! Dầu chàng rất giỏi về tôn giáo của chàng, chàng không bao giờ là một học giả; dầu chàng viết không bao giờ cùng tận, cũng không phải do những bài viết ra mà chàng được mọi người tưởng niệm. Trải hơn 40 năm, chàng làm việc, tổ chức và hoạt động không bao giờ ngừng nghỉ, nhưng cũng không phải ở đó

(Xem tiếp trang 58)

Trách nhiệm sau này về ai

Mồ hôi cha mẹ đổ
máu mủ tội mình đây
kìa khổ đau hàng họ
lam lũ suốt tháng ngày

mồ hôi cha đổ xuống
nước mắt mẹ tuôn ra
tươi biết bao đồng ruộng
chẳng quản nắng mưa sa

mẹ hái từng nhánh lúa
lúa thơm mùi quê hương
cha cấy từng cây mạ
cực khổ cả năm trường !.

mẹ không than số phận
cha không trách nặng nề
nuôi tội mình no đủ
cho ăn học vỡ vè

bà con lui thăm hỏi
họ hàng tới nâng niu
mua từng bao kẹo gói
người cho người nuôi chịu

người gom từng đồng bạc
người bán từng bó rau
người xách gầu đi tát
khổ cực vẫn thương nhau

mẹ thương tôi vô kể
cha thương anh rất nhiều
bà thương biết bao nhiêu
mến thương chị vô về

lớn lên anh một ngả
còn tôi đi một nơi
hai đứa mình xa lạ
đốt cháy hết niềm thương

NGUYỄN VĂN PHỤNG

LỄ QUY-Y CHO ĐÀN BÒ

★ THÔNG-BƯU

« Chúng sanh Phật tâm vốn bình đẳng »

CHIẾC xe đồ chay chậm trên cây cầu dài 21, « Cầu Đà Rằng » Tuy hòa, lâu lắm nay được dịp nhìn lại giòng sông thơ mộng.

Nó mang cái tên thơ mộng, nhưng giờ đây nó cũng hòa theo thời thế mà gồm tầy những gì tinh ba của thuở ấu thơ; chất nước không còn trong xanh, mà đã vẩn đục, có lẽ nó mang những chất độc phóng xạ tận miền rừng núi thượng lưu; thân nó thời xưa là một bãi cát trắng tinh khôi, thì giờ đây đã trở thành loan lổ « Vâng ! Vết chiến tranh của bom đạn ».

Nhìn dòng sông có cái tên thơ mộng năm xưa lòng tôi cảm thấy đau đớn. Ừ ! quê hương trong ấy gồm có bà con láng giềng và tất cả mọi người chắc giờ này cũng đồng một trạng thái như dòng sông. Tôi không còn can đảm nhìn xuống dòng sông nữa.

Chiếc xe ca chở tôi cũng cảm thông với người; nên nó đòi tốc lực chạy rất chậm và nó còn hòa lẫn tiếng rên rĩ của

động cơ. Mọi người trong xe yên lặng có lẽ đề đủ nghị lực chống đối với khí nóng do bên trong chiếc xe sắp chạy công và khí nóng của thể hệ bên ngoài.

Đoàn xe hạng nặng, do người ngoại quốc lái chạy trước, chiếm hai phần cây cầu dài. Bỗng một chiếc bị hư sập đó, nên bắt buộc tất cả dừng lại giữa cầu. Lẽ dĩ nhiên là chiếc xe chở tôi cũng đồng với số phận. Dừng lại — dừng... Bê... một tiếng ngân dài dưới gầm cầu, bắt buộc tôi phải nhìn xuống. « *tiếng bê gọi bò* ». Mà bò đâu nhiều quá như thế này, bò cũng bị nhốt trong rào kẽm gai à ? Tự hỏi và tâm buộc trí phải suy nghĩ bắt thẳng nhãn phải quan sát. Bò, bò, bò hàng ngàn hàng vạn con. sao lại không có chủ ? Sao lại bị nhốt trong hàng rào dây kẽm gai ? Sao lại bị trào bọt mồm ? Nhiều câu hỏi đập dồn đầu óc của nhà tu — khó quá khó tìm đáp số hơn đáp số của bài toán Đại Số năm đệ nhất.

Không lẽ, bò cũng theo cộng sản nên bị nhốt; vì bên ngoài hàng rào kẽm, có mấy người lính nghĩa quân, mang súng canh giữ cẩn thận. Không phải vậy — Tôi tự tìm câu trả lời cho tôi, chắc có lẽ bò đây ở mấy vùng mất an ninh, chính phủ lừa về nhốt tạm. Mặc dù trên cầu nhìn xuống, song những tâm hồn của loài vật cũng có một truyền cảm nơi đáy mắt cầu xin « *Xin thầy thương lũ chúng con lỡ làm thân trâu bò gặp thời chiến nên cô cũng không có mà ăn, xin thầy làm lễ quy y và chú nguyện cho chúng con đề kiếp sau chúng con không còn trở lại làm thân súc sanh khổ đau này nữa* ».

Trưa hôm ấy chùa Bửu Tịnh vẫn phòng Tịnh giáo hội (Phú Yên) nghệt người. Nhưng làm sao tôi quên được hình ảnh đàn bò đáng yêu kia. Chiều hôm ấy tại tịnh hội còn bận rất nhiều việc, nhưng không dần được sự khổ tâm, tôi trốn quý Thượng Tọa và giáo hội, một mình đón xích lô đạp đến tận chân cầu xin phép người lính gác. để được xuống ngồi gần bờ sông. Viện lý do là đi xem cảnh, người lính bảo rằng vì an ninh chung, cấm không cho người ngoài phạm sự xuống bãi cát

gần bờ sông, tôi phải xuất trình giấy tờ cần thiết và cho anh biết tôi hiện là chủ nhiệm của tờ Tạp chí An Lạc muốn viếng quê hương miền trung thường thức một vài thú thiên nhiên, để tìm thi cảm trong văn điệu... Người lính cười xòa và dễ dàng cho tôi qua (mặt dù là không có nguyên tắc chấp nhận).

Tôi có mang theo chiếc máy Pecri có ý định là sẽ chụp một bộ hình về đàn bò, để đăng vào tạp chí An Lạc. Nhưng hôm nay loạt bài này tại sao không có những bức ảnh đáng thương ấy, lý do quý vị sẽ được biết sau.

cCo

Còn cách 10 thước nữa, nhưng hàng vạn cái tâm hồn đau khổ đã nhồi nhồi lên, con thì ề oải chống hai chân trước. Khó khăn lắm mới đứng dậy nổi, con thì được ưu điều đứng gần rào, đã thò mỏ ra khỏi lớp kẽm gai thứ nhứt. Tôi đếm rõ từng bộ xương bên hông chúng, cặp mắt chúng con nào cũng chảy nước mắt nhìn tôi, như xin một vài cọng cỏ khô, Tôi đau khổ quá, phải nói với chúng: cỏ đâu có thấy đi bất ngờ và ghé thăm các con, giá ước gì chúng biết nói tôi sẽ hỏi chuyện nhiều với chúng và sẽ khuyên chúng niệm Phật.

— Chúng lặng lẽ nhìn tôi như thất vọng, vì tưởng người ân nhân của chúng, không ngờ lại cũng đến với chúng hai bàn tay không, Đói cũng hoàn đói, thế mà cũng mất công gắng gượng đứng dậy đón chào, có lẽ chúng thầm trách rằng người đến với chúng con cũng bằng vô ích, lại còn đem đau khổ đôi thêm với chúng con thêm nữa !!!

Tôi thì kéo khăn lau nhanh đôi dòng lệ, dù là tôi không biết khóc và từ xưa đến giờ, ngoại trừ ngày còn bé thơ; tất cả các trường hợp nào có xảy đến với tôi, tôi chỉ âm thầm giải quyết, không bao giờ tôi biết khóc, thế mà hôm nay tôi đứng trước hàng vạn tâm hồn thì bỗng dưng ứa lệ, mặc dù không ai nhìn thấy tôi khóc, kể cả chính tôi cũng không nhận thấy mình đang khóc.

Tôi lặng người như đờ đi vậy, lúc đó tôi không hiểu tôi đứng ở đâu đây vì chung quanh tôi không có ai cả. Bò, dòng sông, và bóng của nhịp cầu. Tôi biết nói năng gì đây ? Khi mà những con vật đáng yêu kia đã bắt đầu một vài con chân năn ề oai quỵ nằm không còn muốn nhìn tôi nữa.

Các con ơi; Các con đừng nhìn thầy nữa, đừng đặt tin tưởng gì nơi thầy nữa cả, dù là tin tưởng một cộng cỏ khô cũng không bao giờ có; chứ đừng nói là tin tưởng của ngày mai các con đười. thoát ra khỏi chốn giam cầm chật hẹp giữa trời, trên nắng thù đốt, dưới cát nóng hắt lên, các con phải khát nước, đến trào bọt miếng mặc dù các con được mang tiếng nhốt gần dòng sông Đà Rằng, dòng sông thơ mộng đáng yêu, của quê hương các con thuở năm nào, nhưng giờ này các con đâu còn tự do tắm mình dưới dòng sông trong lành kia tới thiểu một miếng nước mát liệm, tự dòng sông dề thấm vào cơ thể các con cũng không được quyền uống chứ đừng nói là tắm mát « Đứng bên nước mà vẫn là khát nước » (Thơ cụ Phan). Các con ôi, thầy đến đây là để cùng với các con hòa đồng nỗi niềm đau khổ chia sẻ phần nào để cùng thông cảm nơi tâm hồn của các con, mặc dù các con có hiểu hay không thầy đến đây với tánh cách cầu nguyện mà thôi, vì với một con người vô tài bất tận như thầy biết lời cầu nguyện của thầy đối với các con hình như vô bổ, nhưng đối với thầy vẫn là nhiệm vụ. Nhiệm vụ chẳng những cầu nguyện cho riêng các con. mà còn cầu nguyện cho tất cả các loài, trong ấy có loài người. Thầy cầu nguyện cho họ biết sống hoặc quay về cho tròn nhân đạo và, nhưn tánh. Các con hiện tại là loài cầm thú, nhưng thầy nhận xét bên trong, chắc có lẽ các con không chứa nhiều thú tánh vì các con không biết oán hờn và gây cảnh tàn hại lẫn nhau. Vậy thì trong các con thầy tin tưởng được thân làm người ở kiếp sau không khó.

Một tiếng súng nổ làm tôi giật mình, Một. lần nữa
nhìn chung quanh cũng chẳng thấy ai cũng Bò, dòng sông và

bóng nhịp cầu. Tôi cảm thấy chắc có lẽ tôi đang điên, đứng nói giữa không không, và nói chuyện với bò — ừ nhỉ! mình điên thật. Nhưng không, kẻ nói chuyện giết chém nhau kia, dù nói trước nhà học giả cũng thuộc vào hạng người điên, còn mình — mình nói trước hàng vạn sự đau khổ nước mắt đang ngự trị và thần chết sắp về thì dù đó là loài bò nhưng mình phải nói, nói để an ủi nói để vĩnh biệt lần cuối cùng, nó sắp từ biệt cõi đời, vì đói, vì khát, vì nắng cháy, mưa chan, vì bị giam nhốt; Phải nói chứ — Nói với bò nhưng không đắc tội, và không bao giờ mình là người điên cả. Tự như vậy vậy đề yên trí và bên dòng sông nửa trong nửa đục, trước hàng vạn con bò đau khổ, tôi đã trở thành một nhà diễn giả, diễn thuyết không đề tài, không cộm có sự vô tay tán thưởng, tôi nhớ rõ ràng lắm, nhớ từng lời hôm ấy tôi nói rất hùng dũng nói thao thao bất tuyệt, nói rất to rất hấp dẫn và rất có mạch lạc. Hôm ấy tôi nói nhiều lắm, Hôm nay tôi chỉ ghi đại khái mấy điểm quan trọng đề cống hiến đọc giả sợ dài dòng văn tự không tiện chép hết nguyên văn của một cuộc diễn thuyết trước đàn bò, mà diễn giả ấy chính là tôi; một con người không thể nhận rằng mình đang điên hay đang tỉnh. Và sau đây là một lễ quy y và lễ cầu siêu cho bò.

Tôi nói, và nói nhiều lắm, tôi không có sám đồng hồ, nên không biết bao nhiêu, nhưng có lẽ lâu hơn một giờ. Trước khi từ giả một lễ quy y cho chúng. Một lễ quy y không có hình thức tôn giáo. Nghĩa là không có bàn thờ lư trầm nến hương và hoa quả. Một lễ quy y có tánh cách siêu thường. Và tôi nghĩ trong đàn bò đau khổ ấy chắc cũng được tám phần mười đắc giới vì trong giờ linh thiêng truyền quy giới ấy bọn chúng đắm đắm nhìn tôi với những tia nhìn tin tưởng và khấn khoản. Còn 2 Phần mười nữa không hiểu vì quá đói nên không mở mắt được hay vì quá khát nước nên ù tai không còn nghe hoặc vì chúng cố ý không muốn nghe quy giới, tôi tông chú nguyện và hồi hướng tất cả chúng sanh trở thành Phật đạo.

Mặt trời gần chen núi sức nghĩ còn nhiều việc phải làm ở giáo hội, nên lần chót, nhìn chúng đề từ giả, thì một con trong bảy chúng lần dưng ra chết; Tôi lại dừng gót theo nghi thức thông thường một khóa lễ cầu siêu đơn giản được hiện lên tại chỗ. Vừa chủ lễ, duy na, duyệt chúng, một mình, đọc xong ba biến chú vãng sanh đến phần niệm Phật hồi hướng, thì một anh nghĩa quân bước lại, thấy sự có mặt tôi ở đó, anh ta cúi chào theo phép nhà Phật, (chắc có lẽ anh thuộc về Phật giáo)

— Một câu chuyện xã giao tôi không bỏ mất cơ hội phỏng vấn chớp nhoáng (trở về nhiệm vụ một ký giả).

Bò đâu mà lừa nhốt đây nhiều quá vậy hở anh.

— Dạ bò thuộc mấy vùng mất an ninh tập trung về.

Hằng ngày cỏ nước, có cho nó ăn no đủ không?

— Dạ làm gì có no đủ, đói chết ngày năm bảy con là hường, một con vừa mới chết đang nằm kia là vì đói quá, loài vật đói quá không đủ sức chịu đựng lâu ngày.

— Tôi định phỏng vấn thêm mấy câu nữa, nhưng vì bị xúc cảm bởi hình ảnh đã qua, lại cộng thêm câu nói của con người quân sự, song lòng không còn quân sự trước cái chết, dù đó là cái chết, của một con vật hơn nữa có phỏng vấn thêm cũng không ích gì vì anh không đủ thẩm quyền. Tôi định hôm sau sẽ đến phỏng vấn Trung tá Tỉnh Trưởng, nhưng rồi Phật sự dồn dập và có việc cần phải về Nha Trang gặp phải xa Phú Yên; Nên đành bỏ ý định.

xXx

Hôm nay viết loạt bài này mong nó sẽ về cùng bạn đọc với ý nghĩa trọn vẹn và cũng ước mong nó được đến hầu gần Trung tá Tỉnh trưởng Phú Yên, cùng quý cấp chính quyền

(Xem tiếp trang 35)

Nói với nhau

- 1 Có còn gì để nói với nhau?
Quê hương chạy dài hai bờ đê máu đỏ
Chúng mình khô nước mắt
Chiến trận xảy ra trên từng khuôn mặt
Nét căm hờn mang vết tích anh em
—Có còn gì không anh? - không em ?
25 năm u - hoài biến khuôn mặt trắng đen
Đêm đến bầu trời khai hội đáng-quang
Bằng pháo lựu
Bằng rục đỏ hỏa châu
—Nguru Lang trốn biên-biệt
—Chức Nữ bỏ sông ngâu
Thôi không còn thần thoại
Và hết rồi những chuyện ngày xanh
- 2 Có còn gì để nói với nhau?
Thân xác chúng mình đây
Nhưng tù đầy làm rào kẽm vây quanh
—Có nhìn được nhau không anh?
—Có quyền tìm nhau không em ?
Hằng đêm thức giấc
Nghe máu dồn trong từng huyết mạch
Và giết mình hai loại :Đỏ - đen
Nước trôi đi biên biệt
Tên tuổi vang lời bi thiết:
Anh em mình xây giới tuyến chia nhau!
- 3 Mẹ chiều nay tức tưởi
Gọi con về nghe pít dũ của cha
Lời biên sông trầm động
Nguồn bao la rộng mở máu về tim
Hồn run lên hy - vọng
Cuộc hành hương tìm vết tích mẹ cha.

Nhà Cách mạng

NGUYỄN-THỨC-CANH

35 năm lưu lạc từ Á sang Âu nhà cách mạng lão thành trở về nước để phải chứng kiến những điều trái tai gai mắt.

Cụ Nguyễn thức Canh, tục gọi là cậu Cả Kiêng, ở Nhật mang tên là Trần hữu Công, qua Đức quốc đổi là Trần trọng Khắc. Con trai đầu lòng Tạ Đông Khê Nguyễn thức Tự hường gọi là Cụ Sơn, ở làng Đông Chừ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Năm 1905, Thức Canh theo Phan sát Nam qua Nhật. Lớp

sinh Viên Sĩ quan đầu tiên ở trường Chấn Võ học hiệu tại Đông Kinh đã có mặt ông.

Sau khi tốt nghiệp trường Võ bị này, ông lại vào học và tốt nghiệp trường Đại Học Sư Phạm tại Nhật.

Nhưng với thái độ lặn lội của bọn đế quốc phong kiến Nhật, sau khi họ đã dùng

thanh thế Cách mạng Việt Nam đề gây áp lực với bọn thống trị Pháp ở Đông dương tranh thủ một số quyền lợi thương mại ở Đông dương, cũng là buộc Pháp phải ủng hộ họ trong vấn đề chia Tó giới ở Tàu với bọn liệt cường Âu Mỹ. Nhưng âm mưu đen tối và quyền lợi bất chính ấy đạt rồi, thì bọn phong kiến Nhật không ngần ngại liên kết với giặc Pháp buộc phải giải tán phong trào và trục xuất các cụ. Cho hay những bọn cướp nước chẳng bao giờ lại biết thương những người mất nước còn những thành ngữ đồng văn (cùng học chữ Hán) đồng chủng (cùng một giống da vàng) chỉ là những huyền thoại, những chiêu bài chỉ có thể đánh lừa được những kẻ thiếu nhận thức chính trị.

Sau khi bị Nhật đuổi, Thực Canh trở về Tàu, Cụ Sào Nam lại cho du học Đức. Sau 12 năm học tập, Thực Canh đã đậu y khoa Bác sĩ tại Bá linh. Nhưng khi trở về Tàu thì cụ Sào Nam đã bị Pháp bắt đem về nước. Từ đó, Thực Canh trở thành một cán

bộ chuyên môn thuần túy chỉ biết đem tài học của mình, đề phụng sự cho con người, là một Bác sĩ y khoa, Thực Canh không cần biết tới chế độ chính trị.

Năm 1958, trong khi Thực Canh đang giữ một chức vụ «y tế ủy trưởng» của thị xã Hàng Châu, một lần ông qua du lịch ở Hồng Kông, bắt gặp một người mà trước đây Thực Canh có biết qua loa ở Tàu, hiện đang giữ chức Lãnh sự cho anh em Diệm tại Hồng Kông. Thế rồi do tên này tán dương, thoa vể, nào là.., và nào là... trước lời ngon ngọt dụ dỗ của nó, Diệm trở thành một anh hùng thời đại, một vị cứu tinh của dân tộc; thêm vào đó là việc khi Thực Canh tới Hồng Kông, được đọc nhiều tờ báo ngoại quốc, nhất là báo chí thuộc phe Mỹ, thì vai trò Diệm lại cũng được đề cao, cũng như miền Nam Việt Nam anh em Diệm đang làm một cuộc «Cách mạng Nhân vị» thực sự. Ngoài ra tên này còn cho ông hay, ông có một người con trai, khi ông bỏ nước ra đi, con mới ba tuổi,

hiện nay ở Nha Trang, làm ăn giàu có lắm, mang tên là Nguyễn Thức Mẫn. Rồi hẳn giờ giọng quyến rũ: — Nếu bây giờ Tiên sinh trở về Nha Trang thì bố con sẽ được đoàn tụ, một cuộc đoàn tụ hy hữu trong đời; ngoài ra Tiên sinh lại có thể đem tài học của mình từ chính trị cũng như chuyên môn đề góp với Tổng Thống và quốc dân xây dựng nước nhà. Thiết là gia quốc lưỡng toàn, công tư vẹn cả.

Trong khi Thức Canh đang tần ngần suy nghĩ, thì hẳn lại tiếp:

Nếu Tiên sinh muốn liên lạc với con trước thì việc đó tôi sẽ phụ trách cho.

Thức Canh nhận lời, thử hỏi ai mà không phải nhận lời bố con xa nhau từ nửa thế kỷ (1905—1958).

Thế rồi một bức điện dài mấy trăm chữ từ Hồng Kông đánh về Nha Trang, qua phủ Tổng Thống, qua ông Tỉnh trưởng Nha Trang, tới tay Nguyễn thức Mẫn ở số nhà

89 đường Nguyễn thái Học Nha Trang. Nguyễn thức Mẫn nhận bức điện với bao nỗi cảm xúc khó tả, tủi tủi mừng mừng...

Hôm sau Thức Canh tại Hồng Kông nhận được điện con trả lời.

« Thưa cha, con đây, Nguyễn thức Mẫn đây, chính con của cha đây, mời cha về, bao nhiêu hành phí con xin chịu hết»,

Thế là Thức Canh dứt khoát về với con, trước khi bước chân lên máy bay. ông còn đánh điện báo trước cho con.

Bởi vậy khi ông bước chân từ máy bay xuống sân bay Tân sơn Nhất, thì đã có Nguyễn thức Mẫn con ông chờ sẵn. Nhưng tên lãnh sự lại cũng đánh điện báo tin cho phủ Tổng Thống, nên cả hai cha con đều phải lên ô-tô của phủ Tổng Thống chạy về nhà tiếp tân, mà anh em Diệm đã dành sẵn để đón tiếp các quý khách, phần nhiều là người

ngoại quốc.

Nhưng về tới nhà tiếp tân, sau khi uống nước hút thuốc xong. Nguyễn thức Mẫn đứng dậy nói: — Nhà tiếp tân này là Tổng Thống và Chính phủ đặt ra để tiếp đón những thượng khách của Tổng Thống và Chính phủ, con cha tôi chỉ là một người dân lưu học được phép Tổng Thống và Chính phủ cho về dưỡng già với con. Chứ không phải là một thượng khách một lẽ nữa còn có tôi là con, bõn phận tôi phải lo liệu cho cha tôi.

Nói rồi Thức Mẫn đứng dậy dắt bố ra thuê Taxi biểu chạy tới khách sạn Majestic thuê phòng để cha con trọ. Sáng hôm sau ông ta đi tới phòng kế toán bộ ngoại giao trình bày và xin hoàn lại số tiền vé máy bay mà ông lãnh sự ở Hồng Kông đã mua giúp cho ông ta,

Thức Mẫn ở bộ ngoại giao về, vừa lúc ô-tô phủ Tổng Thống tới rước cụ Nguyễn thức Canh vào yết kiến.

Trước khi mặc quần áo để lên xe, Thức Mẫn ôm cổ nói với cha:

Gia đình ta là một gia đình cách mạng gương mẫu ở đất Hồng Lam. nơi núi cao sông sâu, với truyền thống cách mạng, nơi Hoan Diên do tôn thập vạn binh, ông và hai chú đã hiến mình cho tổ quốc. cha năm nay đã 78 tuổi, liệu chừng có nên để cho một bọn người chính trị đầu cơ, chuyên môn làm tay sai cho ngoại bang, hết Pháp, Nhật. rồi lợi dụng danh nghĩa mình để che dấu bộ mặt thực xấu xa của họ được chăng.

Bộ mặt thực của anh em Diệm và bè lũ là thế nào, thời cuộc miền Nam Việt Nam đang ra sao, rồi có sự thực và con sẽ trình bày đề cha rõ.

Hôm nay cha vào gặp Diệm ông ta có mời làm cái gì cha phải cố gắng chối hết, lấy lẽ tuổi già sức yếu đã từ lâu không làm chính trị. tình hình đất nước và nhân sự không am tường. Phải cương quyết chối và chối hết.

(Xem tiếp trang 55)

Ôi Miền Trung

Bạn ơi !
Tôi mời bạn thử một chuyến
Xuôi về Trung
Núm ruột quê-hương...
Bạn sẽ thương đông bào thêm nữa
Bạn sẽ yêu Tổ - Quốc Việt hơn lên.
Dẫu không muốn, bạn cũng ngấm rõi lệ
Trước điêu linh, thống khổ của người dân!
Kìa bạn có nghe không
Tiếng súng nổ, đạn reo, bom rơi khủng khiếp;
Tiếng khóc than, kêu thét khắp thôn trang!
Bạn có thấy chăng
Nhà cửa tiêu-diêu, mồ hoang, vườn trống,
Đầu trẻ thơ, cô-phụ chít khăn tang;
Trên bãi chiến thối da người nhầy nhụa
Thấy ngồn-ngang, cỏ uá, máu tanh-hôi...
Chết chóc!
Thê-lương!
Bầu trời ảm-đạm!
Hồi lòng nào không đau xót ngậm ngùi!
Ôi thiên-tai tàn-phá!
Ôi chinh-chiến xéo dầy!
Mảnh đất Việt rã-rời, tơi-tả,
Đạn cày lên loan-lổ, tang-thương!
Miền Trung máu lệ tuôn dòng
Bạn ơi hãy hướng tấm lòng về đây!

SONG THANH

(Nhóm-Hoài-Vọng)

Đoạn văn
của
MINH THẮNG

đi lễ chùa

Ngày nào ở thành phố Hà Nội mẹ còn bà tuyên còn dắt nhau đến chùa Quán Sứ, lễ Phật, thế mà ngày nay bà đã già, đi ngoài đường phải chống gậy. Quang người con trai lớn của bà mới ngày nào nó còn phá cây phá cối của chùa mà nay đã làm ông nọ ông kia.

Hàng ngày Quang cầm cuốn nhật tụng đến chùa để theo khóa lễ của quý thầy. Quang là người rất có hiếu khi người cha chết đi có để lại khuyên con. Thăng Quang và mấy đứa nên nhớ nếu cha có thất lạc chẳng nữa thì mấy đứa

cũng phải năng đến chùa đấy nhé nếu đứa nào không nghe là không phải con của cha mẹ đâu. Ông Tuyên khuyên nhủ được ít tháng là qua đời, ông qua đời để lại một cái gia tài thật lớn lao ; — nhưng chẳng may được vài năm thì Việt-minh tiếp thu Hà-nội, bà Tuyên phân vân chẳng biết nghĩ ra thế nào, mấy đứa con thì còn khờ dại, nhất là con Cúc ; Nếu mà có cái tình trạng Tàu-cộng nó kéo qua thì tiền cũng chẳng còn ?

— Mấy đứa chúng mày thử nghĩ coi Lời Phật nói trong

kính không sai chút nào đâu ? Tiền của chất cao như núi ăn mà không làm thì Giàu đến đâu cũng hết, thật đời là vô thường

Bà Tuyên than vắn than dài ! Quang thốt lên mấy lời, mẹ nói cũng đúng nhưng mẹ cũng bình tĩnh xem thời thế ra sao đã chứ ? theo con thấy khi nào mà chuông chùa không còn ngân nữa thì mẹ con mình đã tính.

— Con trai mẹ thì mau miệng mép lắm, hễ nói ra điều gì là có chùa chiền trong đó, không khéo lớn lên con đi theo các thầy mất thôi ?

— Bộ mẹ nói đi tu dễ lắm sao, nguyên cái đến chùa mà xưng hô thế nào cũng đủ là khó rồi, mỗi lúc mà quý thầy phật mấy chú tiểu quỳ hương là con đã đủ sợ rồi, con chỉ cố nghe lời cha con dặn nặng đi lễ chùa và chịu khó học hành là được rồi ;

— Còn con Cúc thì sao ?
tiếng bà vừa nói xong, Cúc vội vã đáp :

— Thưa mẹ con thì lúc nào

cũng theo mẹ, dù mẹ đi đâu con cũng đi, nhất là theo mẹ đi lễ chùa, được ăn oản, ăn chuối. Cúc vừa nói xong là cả nhà oà ra cười ! bộ mấy ham ăn lắm hay sao ? chứ không phải đến chùa để nghe kinh hà ? thế mà cũng đòi đến chùa.

Trời đã về tối, anh em bạn bè đã từ từ ra về, chỉ còn mấy mẹ con bà trong một gian nhà trên trần vài bóng đèn sáng trưng, chiếc Radio đặt trên tủ bà Tuyên vừa mở là đúng chín giờ tối, đài phát thanh bắc kinh đang mở đầu bản tin là tại Việt-nam sẽ có một cuộc di cư từ bắc vào nam do người Mỹ Chủ trương đồng thời các cán bộ sẽ lần lượt thành lập những người thuộc thành phần công chức hưu bổng, và tịch thu tài sản, để làm hưu sản hóa nhân dân, bà vội vàng tắt máy, cho mau.

— Cái điệu bộ này cũng chẳng còn đi lễ đi bái được, không khéo chỉ đi làm nhân công cũng hết ngày, rồi không khéo mấy thầy cũng phải đi làm nhân công thì còn gì thời

giờ mà tu niệm.

Năm 1954 giữa pháp và Việt-Minh ký kết chia ranh giới hai miền nam-Bắc trong lúc đó là hàng vạn người đang xôn xao vào nam ; Bà Tuyên thấy thành phố Hà-nội mỗi ngày một vắng, bà hốt hoảng thu xếp đồ đạc, nếu món nào đem đi được và món nào để lại, mẹ con bà Tuyên dắt nhau ra Hải phòng, và chờ ngày vào Nam.

Lần này gia đình bà Tuyên sống tại miền Nam tuy vất vả nhưng trong nhà vẫn vui vẻ, không đến nỗi ngột ngạt như khi ở Hà-nội, mặc dù có một vài nỗi buồn nhớ đến quê hương.

— Thăng Quang đi học đã về chưa hở Cúc ?

— Thưa mẹ anh con về rồi, nhưng lại đi chùa rồi !

Mẹ biết nó chỉ sung sướng là đi chùa thôi. Cho nên mỗi lần thì là mỗi lần đau. Còn con thì học chậm như rùa mà vậy ?

Mẹ chỉ khen anh Quang

không à. Con dở mà con cũng làm Huỳnh Trường gia đình Phật tử đấy mẹ ợ ?

— Ừ như thế thì mẹ khen con ! Nhưng bây giờ mẹ già rồi con thì con gái lớn đi chùa ít thôi, rồi còn lo làm ăn chứ ? Có già lao như mẹ thì mới đi chùa mới đúng con ợ !

— Con không chịu đâu mẹ ợ ! Ngày con còn nhỏ thì mẹ la con đi chùa để ăn xôi, bây giờ thì mẹ không cho đi chùa, chắc mẹ cho là chùa chỉ để đón rước mấy người già thôi hay sao ?

Con ơi ! mẹ thì sao cũng được, nhưng mẹ thấy hàng xóm thì họ quá dị nghị !

— Con thì quan niệm khác việc gì mà làm đúng lương tâm thì không bao giờ sợ ai cả, họ sai lầm vì họ chưa thấm nhuần đạo pháp đó thôi !

Tiếng ngoài cửa vọng vào kia mẹ em Cúc làm cái gì lớn tiếng vậy.

— Con đi chùa thì không

muốn về, mỗi khi về nhà là thấy mẹ và em cãi nhau rồi, từ mai nếu còn như thế mãi thì con không về nhà nữa đâu.

Mẹ ạ ! đời là bể khổ, tất cả đều là vô thường mặc dù con có làm lớn đi nữa thì con cũng chẳng vui gì đâu ! Con xin mẹ chịu khó tu niệm là con mừng. Con chỉ muốn mẹ đi lễ với tấm lòng hành kính, thiết tha nguyện cầu, cho tâm thân giải thoát.

Con đã thấy nhiều người đi lễ chỉ cầu lợi thôi ! rồi thầy của tôi, thầy của bà: như thế căn gì với danh nghĩa người Phật

tử chân chính đâu, có phải không mẹ ?

Quang chợt nghĩ nguyên nhân này không biết từ đâu đem đến một người Phật-tử như tôi đã đến với chùa từ thuở lên ba ngày giờ này đã mấy chục năm, khi còn ở Hà nội mình chỉ thấy có một giáo hội Phật giáo Việt-Nam, mà ở miền nam, này sao nhiều giáo hội quá, hay quý thầy nghĩ rằng đặt ra nhiều đề cho Phật-tử thấy đâu dễ dãi thì tu ?

Không ! không ! tuy đạo Phật luôn luôn dùng hai chữ dung Hòa và bốn mươi chín ngàn

Ở Đâu nóng nhất Quốc tế ?

- Ở Trung đông
- Ở Sémné — — gal (ấn độ)
- Sai hết —

Nơi nóng nhất thế giới là :

— Tỉnh Sam Luis Potosi xứ Mễ-Tây-Cơ nhiệt độ lên đến 46 độ Trong bóng râm nơi nóng nhì thế giới là :

- Sa-mạc Lybie

Nhiệt độ trung-bình 45 độ.

pháp môn, ai muốn theo

pháp môn nào thì theo.

Nhưng không có thể như thế được. Con người dù xuất gia, hay tại — gia. Cũng phải nương theo giáo hội chứ, người ta thường nói.

Hồ ly sơn hồ bại

Tăng ly chúng tăng tàn.

Thật ra tôi tuy muốn ra đi để nương nhờ Tam Bảo để theo gót chân của đấng giác ngộ, nhưng khổ thay còn mẹ già; thôi mình chỉ cố làm một người cư sĩ biết tôn kính giáo pháp, trọng Phật kính tăng phụng thờ tam bảo, là điều quan hệ, chứ không như người ta phù thịnh chứ không phù suy. Câu nói đây nếu có sai lạc, kính xin ngài thứ tha cho con!

Ngoài cổng tiếng chuông reo. Cúc chạy ra mở cửa nhìn ra đường, bốn vị Đại Đức đang từ từ bước vào, vị đi đầu nghiêm chỉnh nói — cô cho tôi hỏi thăm có phải đây là nhà của Đạo Hữu Quang không?

— Cúc đáp mô Phật dạ thưa phải mời quý thầy vào.

Quang vội vã chạy vào phòng lấy cái áo dài lễ Phật màu xám. Khoác lên mình vội vàng cột hai sợi dây. Xong từ từ bước ra!

— Mô Phật Kính bạch quý Thầy! Chẳng mấy khi con lại được cái điềm phúc như ngày hôm nay, có quý thầy đến nhà con. thật con rất lấy làm vinh dự lắm đấy!

Cám ơn Đạo Hữu! Đạo Hữu thật là hiền đạo. Hôm nay quý thầy đến đây trước là thăm cụ và Đạo hữu, cùng quý quyến, nhờ oai lực Tam Bảo gia hộ thân tâm an lạc. Còn Đạo Hữu, thì tinh tấn, đề phục vụ cho Đạo Pháp.

Thế cụ bây giờ thì đi đâu?

Dạ! mẹ con nằm nghỉ vì mấy hôm nay đau! đáng lý ra hôm qua đi Sám-hối, nhưng mắc việc phải ở nhà trông nom mẹ già, Chắc quý thầy thấy vắng con vài hôm quý thầy nhớ con

Đúng thế Đạo Hữu! tối nào cũng cố mặt đạo Hữu trong thời công phu, bỗng dưng

(Xem tiếp trang 36)

Ước Nguyện

Đời ta như đám mây bcy

Tình ta là một chuỗi ngày đau thương !

Dẫn thân trên vạn nẻo đường

Gót chân lăng-từ mười phương giải-dẫn

Dặm ngàn bãi bể nương dâu,

Sờn vai chiếc áo nhạt màu gió sương

Mịt mờ nào thấy cổ hương

Càng xa khuất lắm càng vương-vấn lòng !

Giặc thù tàn phá non sông

Gieo bao chết chóc cho giòng Rồng Tiên-

Lừa bom súng rức bao miền

Là bao tang-tóc oan - khiến dấy dấy !

Nhớ Tổ - Quốc, nhớ hận này

Hẹn ngày rửa nhục, gió mây đợi chờ.

BẢNG GIANG

Lễ quy y cho đàn bò

(Tiếp theo trang 22)

địa phương có thẩm quyền trong chương trình cải tiến nông thôn ở địa phương, mong quý vị thông cảm nỗi niềm khổ tâm của một kẻ tu hành khi gặp phải cảnh khổ đau của muôn loài nhất là loài vật. Tôi không dám lạm bàn và cũng không biết nói gì hơn vì văn chương chỉ phổ diễn phần nào tâm trạng cùng sự thật.

Chỉ ước mong Trung tá Tỉnh trưởng mở lòng thương loài vật và thương tôi. Xin Trung tá quá bước đến dưới chân cầu « Đà Răng » Trung tá bỏ vào đám bò đang nhốt một bó cỏ. Vì dù muốn dù không hiện tại bọn chúng là đệ tử của tôi như tôi đã chấp nhận chúng trong giờ lễ truyền quy giới. Và kính mong Trung tá tìm cách sớm hoạch định một chương trình thích hợp theo quý địa phương đề cho chúng được đem thân làm công việc kéo cày chở nặng.

— Trước là trả nợ tiền kiếp chúng đã tạo vay và kiếm cộng có miếng rơm nuôi lấy mạng sống.

— Sau chúng được làm tròn phận sự của chúng đối với quốc gia dân tộc trong chương trình xây dựng nông thôn mà chính phủ và Trung tá đã lưu tâm và đang thực hiện.

Người nhà nông và những người chủ của nó cũng như tôi mãi mãi không quên công đức vô lượng của Trung tá và quý vị có thẩm quyền thuộc quý địa phương.

Kính thăm Trung tá và Bảo quyền. Kính thăm tất cả bà con quen hay không quen, thuộc quý địa phương, kính thăm tất cả quý vị chủ của những con bò hiện còn đã chết và sau cùng thầy cầu nguyện cho tất cả các loài trong ấy có loài trâu bò đã trót mang kiếp kéo cày chở nặng bởi tiền kiếp gây tội chẳng lành. Kiếp này các con đang chịu lãnh trả vậy xin các con đừng bày trò húc xịt chém báng lẫn nhau, mà luân kiếp khó vượt khỏi kiếp kéo cày và chở nặng. Thầy chủ nguyện các con sớm được bỏ kiếp ngựa trâu.

trọng xuân Đinh Mùi

(1967)

THÔNG - BỪU

Đi lễ chùa

(Tiếp theo trang 33)

không thấy nên quý thầy đến thăm xem :

Mô phật ! con cảm tạ quý Thầy đã có lòng thương con như vậy mà đến thăm. Nếu vài hôm nữa mẹ con có bớt thì con sẽ đến với quý thầy tuy ở nhà nhưng tối nào con cũng tụng kinh,

Thời giờ này quý thầy xin phép ra về nhé. Cầu ơn trên gia hộ cụ được mau bình phục.

— Dạ cảm tạ quý thầy ra về vạn sự an lạc. Mẹ ơi ! hôm nay mẹ đã bớt hơn hôm qua chưa ?

— Ừ hôm nay mẹ bớt nhiều ! nếu con có đi làm thì con cứ đi, ở nhà có gì thì có em Cúc.

— Vâng con nghe lời mẹ

Sáng ra Quang đến sở làm nhận được bức điện văn. Xin cử Quang ra Huế đề nhận công tác gấp. Quang nhận được tin nửa mừng nửa buồn, nếu ra Huế thì xa nhà, mà ở lại thì mất công ăn việc làm, dù sao cũng phải theo lệnh của nhà nước. Quang về xin phép mẹ và dặn dò cẩn thận rồi chạy lên chùa chào quý thầy. Ngày ra đi của Quang làm bao người nhớ tiếc, lần này Quang dời ra Huế làm việc, đúng một năm mới trở về thăm nhà.

— Giờ phút này là đúng nửa năm trời thơ từ gửi cho Quang đề cả tập ngay cả hồng thiệp của Cúc khi lên Xe hoa, mà Quang cũng không có thể bỏ công việc đề về, Hàng tháng Quang gửi

tiền về cho mẹ đẻ sinh sống hàng ngày, đúng cuối năm Quang gửi thư về đề xin phép gia đình vì công vụ, không về được.

— Bà Tuyên ở nhà lo tụng niệm chuyển căn, hàng ngày vào chùa làm công quả ! nét mặt gầy ốm của bà làm cho mọi người điều thương nhất là tuổi tác. Của bà cao niên, luôn luôn trên tay cầm râu chuỗi niệm phật.

— Bỗng từ nhà hậu bước ra một vị trụ trì tới gần hỏi: Bà cụ Tuyên có phải không ?

Dạ Mô phật phải kính thầy ! thầy hỏi con có việc gì mất con kém quá chẳng thấy thầy, thầy hủy xá cho con.

— Sao cụ Đạo Hữu Quang có hay về không ?

— Mô phật Bạch thầy Cháu ít có về lắm ! nếu chừng năm tháng nữa cháu không về thì con phải ra thăm cháu ngoài đó !

— Thưa cụ Đạo Hữu Quang

làm gì ngoài đó ?

— Mô phật Bạch Thầy, Cháu dạy học ạ.

— Tôi thấy Đạo hữu ấy giỏi quá kinh sách, hiểu nhiều, thật cụ có phước quá :

Năm 1963 cuộc tranh đấu Phật giáo. Khởi xướng từ thành phố Huế, được ít ngày. Các trường được bãi khóa. Công sở được nghỉ việc, đề chống gia đình trị họ Ngô.

Quang vào chùa xuống tóc đi tu được sự chỉ dẫn của một vị Đại Đức, Quang làm việc rất hoạt bát, giờ phút nào pháp danh của Quang là Sadi Thiên Huệ. Suốt thời gian tranh đấu, Quang gặp nhiều khó khăn. Nhưng lần nào cũng tránh khỏi. Cuộc tranh đấu gần đến ngày mồng một tháng một. Quang về Saigon để xem tình hình thay đổi như thế nào ? Chẳng may đi nửa đường thì Quang bị bắt qua ngày cách mạng 1-11-63. Quang ra về Ngược lại Huế, được mấy tháng lúc này Quang đang ở chùa Thiên Hưng.

Bà Tuyên vừa đáp phi cơ ra đi tìm kiếm, theo số nhà cũ thì Quang đã dọn đi chỗ khác. Bà khóc suốt mười, đi hồi hạn mấy ngày trời. Tối đến bà lại về Chùa Thiên Mụ tạ ơn.

Ngày thứ năm là ngày bà tính về saigon. Nhưng dù sao bà cũng cố gắng đi thăm các chùa cho biết. Bà vừa tới chùa Thiên Hưng. Thì Sadi

Thiện Huệ đã nhận ra là mẹ, nhưng không ra tiếp nhờ một Sư huynh ra, và phải tiếp đón bà cụ cho chu đáo nhé có một điều là tôi nhờ là Sư Huynh nói rằng cụ ở Saigon ra chơi xin cụ ở đây vài tháng, chùa đây rộng rãi lắm có người lo cho cụ, qua lời dặn của thầy Thiện-Huệ xong xuôi :

— Bà Tuyên lễ Phật xong thì gặp Sư Huynh của Thầy Huệ.

— Bạch Thầy con đến thăm chùa xong, con xin phép thầy con về.

— Thừa cụ, ở saigon mới ra chơi. Xin cụ ở lại đây vài tháng rồi hãy về ở đây cụ cũng đừng quản ngại.

Mô Phật Bạch Thầy con phải về đi tìm cháu không biết là cháu ở đâu hồi ở nhà thì chùa nào cũng có mặt cháu. Con có mình cháu thôi. Nếu thầy cho phép con ở đây mười hôm thì con cảm ơn thầy.

Đã được cụ khỏi lo, nói xong Sư huynh chạy vào nói lại Thầy Huệ. Thầy sai người lo nơi ăn chốn ở và hàng ngày đưa cụ đi thăm chùa chiền nếu bà cụ có hỏi mọi người trả lời là bác Quang mà cụ kiếm thì chừng tháng nữa về chùa đây Sám hối, cụ khỏi đi tìm.

Tuy hai mẹ con gần nhau. Nhưng không bao giờ tỏ vẻ gì cho biết hàng ngày cụ quét tước được quý thầy chỉ bảo kinh điển cho đến khi cụ giác ngộ được vui lòng để con đi tu thì khi đó mới cho cụ biết.

— Chiều ba mươi, giờ Sám hối đã hết mọi người

đang sửa soạn xuống giảng đường nghe giảng. Thầy thiện Huệ từ từ trong phòng bước ra, lên tòa giảng tiếng phóng thanh qua những lời dịu hiền của thầy vang lên. Bà Tuyên đôi mắt nhìn đắm đắm. Và nghẹn ngào ngồi nghe người con trai ngày này đã là người con-như-lai, giờ giảng đã xong! bà vui mừng chạy lại, chắp tay mô phạm. Bạch Thầy kiểm thầy cả tháng nay

tiếng nói của bà rung rung rất lấy làm cảm động, khi mẫu tử gặp nhau, trong bầu không khí an lành trong ngôi chùa thờ phượng.

Mọi người xôn xao đến mừng lên chắp tay nghiêm trang đề Hồi hướng, cho đất nước an lành, và thanh vượng.

(MINH THẮNG)

Đính Chính

Bài nhớ về xứ Quảng (thơ) An Lạc số 10

Câu 5 «Nén thân» xin đọc nén thân

Câu 18 «Tưởng về» — — — thương về

Câu 33 «Đêm rồi» — — — Đêm tới

Cáo lỗi bạn đọc và tác giả

đón đọc số 12

AN LẠC

* Phải làm Cách mạng đời sống dân nghèo

(Tiếp theo)

* của Đại Đức THÔNGBỬU

* Gái quê về Thành

* Long Nga—Trần như Nguyễn

Và nhiều loạt bài chọn lọc giá trị

Phát hành đúng ngày 15 tháng 5-1967

Thẻ lệ nhận bài

- Không nhận bài có tính cách đòi trả.
- Không nhận những bài có tính cách ủng hộ cá nhân.
- Không chịu trách nhiệm những bài lai cáo.

oOo

- Bài vở xin viết trên một mặt giấy.
- Bài không đăng không hoàn bản thảo.
- * — TẠP CHÍ CHỦ TRƯỞNG DUNG HÒA
ĐÔNG TÂY KIM CỒ PHÁT HUY và
XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC
PHỒ BIẾN GIÁO LÝ DUY TRÌ
ĐẠO ĐỨC.

TÔ TIÊU MUỘI

Viết theo truyện Kim Cổ Kỳ Quan

*Giai thoại
ăn chương*

☆
HUỲNH THƯỢNG
CHÍ

TÔ-Lão-Toàn là một danh nho khét tiếng đời nhà Tống, là thân sinh ra hai Ông Đại-Tô và Tiêu-Tô. Đại Tô tên Thúc hiệu là Đông-Pha, Tiêu-Tô tên Triệt hiệu là Dĩnh-Tân, đều là những bậc học rộng thấy xa, thông kim bác cổ thời bấy giờ. Lão-Toàn còn có một cô gái út tên Tô-Tiêu-Muội, thông minh dĩnh-tuệ, ai cũng cho rằng tú-khí của vùng Tứ-xuyên chung đúc vào một nhà họ Tô này mà thôi.

Một hôm Tô-Lão-Toàn đang ngồi trong thư-phòng vịnh thơ cây Hải-đường đang trổ nhiều bông đẹp. Thơ làm vừa được

bốn câu thì có gia - đồng đến báo rằng có khách. Lão-Toàn bèn đứng dậy đi tiếp khách. Chợt Tiểu-Muội bước vào thư phòng, nhìn lên thơ án thấy có bài thơ nét mực chưa khô, xem qua biết là cha định vịnh hoa Hải-đường, nhưng chưa xong, nàng bèn cất bút viết thêm bốn câu nữa để hoàn thành một bài Đường luật.

Khi tiễn khách ra về, Lão-Toàn sức nhớ lại bài thơ vịnh Hải-đường còn đang bỏ dở, vội vào thư phòng để làm nốt bài thơ. Nhưng khi đến nơi, thì lạ chưa, bài thơ đã đủ cả tám câu. Nhìn xem tuồng chữ Lão-Toàn biết ngay là Tiểu-Muội đã thừa đề. Đọc trọn bài thơ, ông cảm thấy mấy câu thơ của Tiểu-Muội có phần xuất sắc, từ đấy ông càng đem lòng yêu quý nàng lắm, nên cố gắng dạy cho Tiểu-Muội về đường văn học hơn là việc nội trợ, tề gia.

Năm nàng 16 tuổi đã nổi tiếng là hay chữ. Lão-Toàn định kén cho được một chàng

re thực xứng đáng để khôi phụ công sanh thành, nhưng vẫn chưa vừa ý được một người nào.

Bấy giờ có Kinh-Quốc-Công họ Vương nghe tiếng Tiểu-Muội hay chữ muốn cầu thân, bèn đặt tiệc rượu mời Lão-Toàn đến dự. Lâu nay Lão-Toàn thường có ý chê ghét Vương Kinh-công là người ở dơ, áo quần mình mấy hàng năm không tắm giặt nên sanh chấy rận như sung, song nề lời mời mà đến. Trong tiệc rượu vừa xoàng xoàng Vương Kinh-công có ý khoe tài học con trai mình là Vương-Vũ hễ bất cứ sách truyện nào chỉ xem qua một lượt là thuộc cả. Lão-Toàn rượu đã ngà ngà bèn nói:

— Chứ ngài lại bảo ai phải xem đến hai lượt, như con gái nhà tôi cũng không cần phải xem qua đến hai lượt nữa là. Nói xong Lão-Toàn biết mình lỡ lời nên cáo biệt ra về. Vương Kinh-công bèn đem chuyện cầu thân đề

trộm hỏi, Lão Toàn đáp: Chỉ hiềm tiện nữ, hình dung xấu xí sợ không xứng đáng làm dâu con Vương phủ mà thôi. Vương Kinh-công bèn sai người lấy tập văn bài của Vương-Vu trao cho Lão Toàn nhờ Phê chấm hộ.

Lão Toàn đón lấy quyển đem về, mở ra xem thấy văn bài lưu loát, lời lẽ châu ngọc, hàng hàng gấm thêu thì cũng thương tài, nhưng chưa biết ý con bèn sai gia đồng đem quyển vào cho Tiểu-Muội xem.

Xem xong, Tiểu Muội lấy bút phê vào mặt quyển: Người này tuổi còn trẻ, mà văn chương lại hào hoa, e cho anh họ đã phát tiết ra ngoài cả thì tuổi trời không được thọ. Phê xong giao thị tỳ đưa ra cho cha. Lão toàn thấy lời phê ấy thất kinh, bèn tháo mặt quyển ra, tờ giấy khác vào viết lại và phê khen lên đầy mấy câu đề lấy lòng (Quả nhiên Vương-Vu chết năm vừa đúng 19 tuổi). Công việc sửa soạn vừa xong thì

bên Vương phủ đã cho người sang giục lấy quyển về. Vương Kinh-Công trông thấy quyển vở có sự thay đổi thì không bằng lòng, nhưng còn luyện tài Tiểu Muội, lại nghe nói Tiểu Muội hình dung xấu xí mới cho người đi dò. Vài hôm sau người dò về trả lời là quả như vậy, vì hai anh em Tiểu Muội thường lấy hình dung mà làm thơ chế giễu nhau. Tô-Đông-Pha là người rậm râu, nên Tiểu Muội đọc:

« Tim nửa ngày trời không thấy miệng,

Bỗng nghe tiếng nói giữa chòm lông ».

Tiểu Muội trán gồ nên Đông-Pha đọc:

« Sân trong mới dạo vài ba bước,

Trán đã nhô ra đến cổng ngoài ».

Tô-Đông-Pha mặt dài Tiểu-Muội đọc:

Tương-tư giọt lệ ra năm ngoái ».

Mãi đến năm nay chữa đến năm ».

Tiêu-Muội mắt sâu, nên được nghe câu :

« Bao lần lau lệ mà không, ráo
Ấm-áp kia hai suối nước đầy

Vương Kinh-Công nghe qua các lời đối-thoại ấy thì mới không tính chuyện cầu thân nữa.

Bọn học-sinh thời bấy giờ cũng nghe tiếng Tiêu-Muội, mới đem văn bài gởi nộp Lão-Toàn chấm ý rập-ranh bản sẽ xe tơ. Tự-Trung trong số văn - bà; có quyển của Trần-Thiếu - Du được Lão Toàn lưu ý. Song Ông muốn cho Tiêu - Muội được dự phần quyết định việc chung thân của mình nên mới chuyển quyển Tân - Thiếu-Du cho Tiêu-Muội xem. Xem xong, nàng cất bút phê vào mặt quyển : « Người này tài học có thừa thế nào cũng được bằng vàng bìa đá, song tiết vì sinh gặp cùng thời với hai Ông Tò, nếu không thì danh vọng cũng lây lừng. Xem lời phê, Lao o ,

Toàn biết là con mình ưng thuận người này.

Riêng về Tân - Thiếu - Du tuy mộ tài mà nấp quyền song nghe dung mạo của Tiêu - Muội hơi kém thì có giùng giăng chưa chịu đi hỏi. Chợt được tin ngày mồng 1 tháng 2 này Tiêu-Muội đi hành hương ở Miếu Đông-Nhạc. Thiếu-Du định bụng nhân cơ hội ấy đi xem mặt nàng cho biết thực hư. Chàng bèn hóa trang làm một đạo nhân đến miếu đề xem mặt. Vào khoảng giờ thìn ngày 1 tháng 2, một chiếc kiệu hoa đề ngoài miếu ai cũng bảo đó là kiệu của Tô Tiêu — Muội. Tiêu-Muội ung dung xuống kiệu và bước vào miếu lễ. Vừa quay lưng ra định lên kiệu về. Tiêu Muội gặp ngay một đạo nhân hân chấn lấy lời đi và đọc :

« Tiêu thư có phúc có thọ
xin phát từ bi »

— Tiêu Muội đọc lại :

« Đạo nhân không đức kỳ duyên. Các Tăng chúng không tài dám cầu bố thí? » nghe nói thế thì ngờ là

— Đạo nhân lại đọc » bụng sẽ mách cùng Hòa Thượng

« Chúc Tiểu - thư mình Chợt có một người ra dáng như cây thuốc trăm bệnh thơ đồng đứng trước đạo không sinh ».

— Tiểu Muội lại đọc: Xin Công tử về thay áo ».

« Mặc đạo nhân miệng Bọn Tăng sãi lấy làm lạ nhả hoa sen, nửa trịnh không mới hỏi: Công tử nào đó bỏ. » vậy ?

— Tiểu Muội sửa soạn, bước lên kiệu còn nghe tiếng của Thơ Đồng bảo: Trần Thiếu Du ở Dương Châu đấy, ai đạo nhân lái nhai: mà không biết.

« Tiểu nương Tử một trò i Và cái tin Thiếu Du hóa hoan hỉ, có sao tay khép trang làm đạo nhân để xem non vàng » mắt Tiểu Muội loan truyền ra

— Tiểu Muội vừa lên kiệu phút chốc mà bay lết đến vừa đọc: tai Tiểu Muội.

« Phong đạo nhân lăm đất Thiếu Du thấy Tiểu Muội tham si, đâu được thân vào tuy chẳng có cái nhan sắc chim hang bạc ». sa cá lặn nhưng cũng chẳng

Đọc xong Tiểu Muội hỏi đến nỗi xấu như lời đồn đại kiệu đi thẳng. hơn nữa với cái tài mẫn tiếp

Thiếu Du mới nói: Hôm với cái dáng điệu ứng dụng nay Tiểu Nương Tử cùng nhân nhả cũng đủ đảm bảo Phong đạo nhân đối thoại cho cái giá trị một giai nhân cùng nhau âu cũng là một danh sĩ rồi. Nghĩ thế Thiến

Du mới an tâm sắm lễ vật đến Tô gia cầu hôn.

Năm ấy Thiệu Du đi thi đồ tiến sĩ, vội về báo cùng nhạc gia và xin làm lễ thành thân cho đúng với câu Đại Tiều dâng Khoa cùng một lúc.

Lão Toàn ưng thuận. Một tiệc cưới được bày ra sau đấy vài tháng. Sau khi dự yến, Thiệu Du lòng tràn ngập hân hoan, hí hửng bước vào phòng hợp cẩn, định bụng thế nào tân giai nhân cũng vốn và đón tiếp. Nhưng khi đến nơi thì hương phòng khóa chặt, trước hiên có đặt chiếc án nhỏ, trên án đặt văn phòng tứ bảo, 3 bì thơ và 3 cái chén chung: 1 chén bằng ngọc, 1 chén bằng bạc một chén bằng sứ. Thấy có con thị tỳ đứng đón: Thiệu Du bèn hỏi: Tân giai nhân làm gì chưa ra rước ta, mấy vào thưa cùng Tiều thư là Tân Lang đã đến.

Con thị tỳ đáp: Tiều thư tuân lệnh Tiều thư. có 3 đề mục trên án, đề tân lang dự thi, nếu

trúng cả 3 đề thì xin rước Tân lang vào phòng.

Thiệu Du chỉ 3 cái chén lời, 3 cái chén ấy là có ý gì?

Thị tỳ đáp: Chén ngọc đựng rượu, chén bạc đựng trà, chén sứ đựng nước. là làm trúng 3 đề thì dùng chén ngọc kính dâng 3 tuần rượu rồi rước vào phòng nếu chỉ làm được 2 đề thì dùng chén bạc rót trà giải khát, chờ đêm mai thi lại. Nếu cả ba không trúng thì mời dùng 3 chén nước lã và phạt ở ngoài hiên đọc sách ba tháng.

Thiệu Du nói: Ta đi thi làm cả trăm đề ta chưa sợ ngại gì 3 đề muối tép này mà làm không được.

Thị tỳ đáp: Bài của Tiều thư nhà tôi ra không như bài của các quan tâm thường dân. Nếu Tân lang khi thường c bị làm chẳng?

Thiệu Du ngồi xuống ghế, với tay lấy phong bì hơ nhất, bóc ra thấy có 4 câu thơ ý nghĩa như sau:

(Xem tiếp trang 91)

Mùa Phật-Đản 2511

- Người Phật-tử thuần đạo
- Giới trí-thức đang nghiên cứu
- Giới Học-sinh, Sinh-viên đang tìm hiểu
- Nhà hữu trách muốn biết nguyện-vọng
- Anh em Quân đội muốn tìm một hương vị

— xin đọc đặc-san

TÌNH - THƯƠNG

Kỷ niệm Phật Đản

Do Ấn-quán Phổ-Đà Phát hành

Đại Đức THÔNG - BỬU chủ trương biên tập.

GỒM NHIỀU CÂY BÚT QUEN THUỘC,

NHIỀU LOẠT BÀI GIÁ TRỊ,

HÌNH ẢNH TRANG NHÃ,

NỘI DUNG PHONG PHÚ

Mặc dù chương trình trùng tu vẫn tiếp
tục nhưng Chùa không Tổ chức lạc
quyên, và ai gặp được người nào lợi
dụng danh nghĩa Chùa Quán-Thế-Âm
Lạc quyên xin vui lòng báo ngay với cấp
chính quyền địa phương.

muốn có một
chánh phủ mạnh
và
được lòng dân

CẦN PHẢI CHẤM DỨT CHẾ ĐỘ QUAN LẠI

★ của Long-Nga Vũ-đức-Sơn

Chúng tôi vẫn còn nhớ một người Pháp nào đã nói: « Ở mỗi người VN đều có một ông quan trong bụng ». Ngẫm lại câu ấy thật chí lý, không những chỉ ở thời Pháp, mà cả đến thời nay nữa. Viên quan cai trị người Pháp nào đó kẻ cũng sành tâm lý người Việt, nên đã « đi guốc trong bụng » dân bản xứ rồi. Câu đó cũng còn bao hàm được một điểm then chốt trong chánh sách cai trị của người Pháp tại VN ngót một thế

kỷ. Nói rõ ra, đối với người Pháp hồi đó họ chỉ cần thỏa mãn cái tham vọng làm quan của một số người Việt, thì chế độ bảo hộ sẽ vững như bàn thạch, không còn sợ dân bản xứ nổi loạn nữa.

Nghĩ như vậy, làm như vậy, và họ đã thành công! Họ đã tạo cho xứ sở này vô số là quan, quan trên, quan dưới, quan lớn, quan bé. Và người dân Việt nam trong suốt 80 năm

đã trở thành nạn nhân của cái hệ thống quan lại này.

Cổ nhiên là không vợ đứa cả năm: Trong hàng ngũ quan lại cũng có người thanh liêm, xuất thân khoa bảng biết noi gương Y Doãn, Châu Công, đem đạo lý thánh hiền trị dân xứng đáng với vai trò «dân chi phụ mẫu». Người Pháp phải bóp bụng trọng dụng hạng này để «làm mặt» với dân, và để làm dịu phần nào sự chống đối của các nhà ái quốc.

Nhưng họ chỉ là thiểu số, chẳng thấm vào đâu so với đa số, toàn một phường vô liêm sỉ, ách ách tui cơm. Còn nhớ thời đó, đã có bao nhiêu quan nhất phẩm triều đình quan án, quan tuần hàng tỉnh, đến quan phủ quan huyện đã được vinh thân, phì da nhờ tài nịnh bợ cấp trên, hoặc bằng cách giết hại các nhà ái quốc để lập công với các quan bảo hộ. Lại còn bao nhiêu quan Phán, quan ký thầy thừa thầy lục, chui cửa trước chuồng cửa sau cốt được quan trên thương xót bang cho chút hàm ân, hoặc một lời khen

tặng.

Tệ hơn, bao nhiêu người còn tán tận lương tâm, dám đánh đổi cả nhan sắc, và cả danh tiết vợ con, để mua chân thờ lại, hồng kiếm chút cơm thừa, Sữa cặn.

Rồi thì, sau khi đã dày công thực hiện đúng câu châm ngôn «Úy nhất nhơn, vạn nhơn cụ», sau khi hoàn lộ hanh thông, họ tha hồ làm mưa làm gió, tai phúc tai họa trên đời sống dân lành. Thời thì, từ một con gà trống thiên, một bộ kỹ trà, một cái điều cây, vài ba chậu kiền vài món đồ cổ. Tất cả dần dần không chân không cánh mà biết chạy, biết bay từ nhà dân đến nhà quan, từ nhà quan nhỏ đến tư dinh ông lớn!

Chánh quyền bảo hộ vững vàng. Hệ thống quan lại được củng cố từ trên xuống dưới. Việc nước việc dân thì các quan ngó mặt nhau, ù ù, cạc cạc, còn nói đến việc ăn chơi, trà đình tửu điểm «rượu ngon để béo, gái vừa đương xuân» thì các quan đều tỏ ra là tay

sinh sôi, lịch duyệt lắm.

Và từ đó, quan lại biến thành tham quan ô lại. Tham quan ô lại đề ra cường hào gian ác, và đờ đầu cho cộng sản vô thần. «Dùi đánh đục, đục đánh sàng», quan trên đề quan dưới, quan dưới đề dân; Dân chịu mấy tầng áp bức, bóc lột, bèn chạy theo cộng sản, để được vỗ về, hứa hẹn dù chỉ là vỗ về hứa hẹn suông.

1945

Toàn dân làm cách mạng, Đầu Phạm Quỳnh, Ngô đình Khôi, Cung đình Vạn đả,... rơi cùng một loạt với một số đầu các quan lớn bé..

Người dân ngỡ rằng chế độ quan lại đã cáo chung. Nhưng không. Ở vùng quốc gia, các quan về hòa với đoàn quân viễn chinh Pháp trảy máu ăn phần, giết dân như ngóe, ăn bơ uống sữa như Tây. Ở vùng cộng sản, các quan chạy theo cán bộ Đảng, biến thành quan cách mạng, không vào Đảng cộng sản, thì vào Dân chủ đảng, không vào nổi nông hội thì vào Liên việt, hoặc các

đoàn thể cứu quốc của Việt Minh...

Chưa hết,

1954.

Khi nguyên Lại Bộ Thượng Thư và cựu Tuần Vũ Ngô đình Diệm về nước nắm chính quyền, thì việc đầu tiên của chính phủ này là tìm các quan lại cũ, và tái bổ các công chức Pháp hồi cư(!), mặc dầu trong số các quan này, nhiều kẻ đã ăn bùa mê Cộng sản, liếm gót giày cho cán bộ Đảng và làm tội tớ cho Cộng sản đến phút cuối cùng!

Các vị tân cựu quan lại của chế độ mới lại chạy theo thời cuộc, bề ngoài nổi cách mạng rất mạnh, nào cộng đồng, nào đồng tiến, mà bề trong thì hết luồn tròn ông Cựu, đến luồn tròn bà Cố ùn ùn chạy theo một bè đảng của Ngô đình Nhu, với mục đích duy nhất là cầu địa vị và quyền lợi sẽ được các...

Chế độ quan lại do đó lại hồi sinh. Nạn tham quan ô lại

cường hờn ác bá bị tái phát mãnh liệt và kinh khủng hơn bao giờ hết. Thôi thì tha hồ mua quan bán tước, lễ chúc tết lễ chúc thọ, tiền hô hậu ứng. Trong lịch sử tưởng chưa có chính phủ nào mà sự tham nhũng và sự tàn ác đến một mức độ ghê tởm đến như thế. Chưa có chính phủ nào giết người và ăn tiền dè dặt và trắng trợn đến như thế. Chết độ cai trị kiểu thực dân và quân phiệt bắt đầu với sự đàn áp, thanh toán các lực lượng yêu nước đối lập, gây nên cảnh người quốc gia sát hại người quốc gia vô cùng thâm hiểm. Trước thảm cảnh đau lòng rất ruột ruột, bọn quan lại vẫn không mấy may cảm động, lại còn lớn tiếng tán dương, cổ vũ. Bọn quan đầu sỏ, còn tìm cách gây thêm thanh thế cho mình bằng cách chọn trong bọn dân em những côn đồ, giết người không gớm tay, đề cất nhắc lên hoạn lộ (công chức cán bộ đặc cách). Rồi thì, «một người làm quan» cả họ được nhờ». Chúng tha hồ đem bà con thân quyến, bắt tài vô tướng vào các cơ quan công quyền, ngồi ngáp cho

hết giờ, đề ăn hại công quỹ.

1-11-63.

Cách mạng thành công. Quân dân hoan hỉ? Vài mươi ông quan đầu tỉnh) tội ác đầy trời đã vào tù. Nhân dân cảm thấy nhẹ nhõm. Nhưng chỉ qua những ngày đầu hưởng khởi nhân dân bắt đầu hoài nghi, và mất dần tin tưởng. Sự giam giữ và cách chức một số quan lại phạm pháp chỉ có tánh cách tượng trưng (!), cả một bè lũ chuyên ăn cắp công quỹ, đàn áp giết người, chỉ mới thiếu mặt vài ba tên tiêu biểu mà thôi.

Guồng máy chánh quyền cũ, mục nát, bất lực với một hệ thống quan lại mới cũ, lớn bé bệ rạc, cầu nhàn, hưởng thụ vẫn tồn tại. Hệ thống quan lại, như một đám bèo cấu kết, lênh bênh trên mặt nước hồ, bị một viên đá ai liêng bất ngờ, bỗng dưng ra rồi kết lại như củ, che lấp không cho ta thấy đáy hồ. Trong khi ở nông thôn V.C hoành hành cán bộ và đồng bào thiện chí ở cơ sở chạy táo tặc, ngày làm tội

tìm chỗ ăn thân. Dân vệ, thanh niên chiến đấu đêm ngày canh gác, phục kích, thì các quan vẫn chễm chệ, lại thêm bị thời cuộc kích thích, đem ra nói chính trị lung tung, mà thâm tâm chỉ quan tâm đến vấn đề tăng lương, thăng trật, và xem cuộc đời vẫn bình thân như cái mặt bàn giấy trước mặt.

Cái việc đầu tiên và đáng ghi nhớ nhất của cái chính quyền cách mạng ôn hòa(!) này là phục hồi chế độ đốc phủ sứ, đề cao giá trị của các quan chánh ngạch, và tăng chỉ số lương cho các quan Tham, quan Phán(1). Chế độ quan lại lại hồi sinh. Thời gian sáu tháng quá ngắn(tuy quá dài đối với dân), nhưng qua vài vụ tham nhũng điển hình(2) người dân cảm thấy rõ nạn tham quan ở lại vẫn còn trầm trọng, tuy bề ngoài hiện đang được một số người cố tâm che đậy. Hơn nữa, thì hiện nay, nhiều biến cố quan trọng đập dồn, nên vấn đề tham quan ở lại, vốn dĩ là một căn bệnh thâm căn cố hữu đề lại được

gác vế hàng thứ yếu.

30-1-1964.

Chế độ cách mạng ôn hòa cáo chung. Đáng lẽ thành trì cuối cùng của phong kiến phản cách mạng phải sụp đổ trước lực lượng cấp tiến. Đó là bước tiến tất yếu của cách mạng. Nhưng thật sự đã không như thế!

Trong hiện tại, quốc gia nghiêng ngửa, vận mệnh của một dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc. Việc lớn ngày nay là phải cứu ngay cho tổ quốc! Mọi người điều nhận định cần có một chính phủ cách mạng thật sự, mạnh và cương quyết chứ không thề lờ mờ và chậm chạp. Chánh quyền mạnh cần có một lớp cán bộ ưu tú, được trang bị một lý tưởng sắt đá, có tinh thần quyết tử. Vấn đề cách mạng quốc gia tự trung chỉ là vấn đề cách mạng nhân sự. Chế độ cách mạng cần có cán bộ cách mạng. Nhưng cán bộ thích việc lớn hơn là chức lớn!

Tình thế khần trương không cho phép chúng ta chần chờ hay do dự. Trong cái tình thế một mất, một còn chần chờ hay do dự, là bại trận, là đầu hàng cộng sản.

Muốn chiến thắng cần phải làm cách mạng thật sự chấm dứt chế độ quan lại, vô lý tưởng, thiếu ý thức trách nhiệm và ký-sinh-trùng xã hội. Chế độ quan lại còn tồn tại, chưa thể làm cách mạng được. Chế độ quan lại còn tồn tại thực dân Pháp còn có điều kiện trở lại VN. Và cuối cùng nếu bất cứ một chính phủ nào mà còn muốn duy trì chế độ quan lại thì đừng rêu rao là

cách mạng và buộc dân chúng phải ủng hộ cho cái cách mạng giả hiệu đó nữa!

Việt nam là một nước đã từng bị lừa bịp bởi những chánh phủ độc tài phản dân chủ, dân chúng chỉ tin ở nơi việc làm. Và khi đã tin, họ sẵn sàng hy sinh xương máu cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc hữu hiệu sự tồn vong của quốc gia hiện nay là tùy thuộc nơi chính sách sáng suốt và kịp thời của tân chánh phủ.

LONG NGẠ VŨ ĐỨC SƠN

(1) - Thông tư số 384 TTPIĐVHC, NV ngày 3-12-63 buộc công chức chánh ngạch mới được làm Phó Quận Trưởng, và chủ Phòng nghị định số 339, 340, 341 TTP CV ngày 7-2-64 tăng cho số lương cho công chức chánh ngạch (2) - Tin báo ngày 16-4 một Quận Trưởng mới nhận chức trong 25 ngày đã ăn của dân đến 620.000 đồng.

Nhà Cách mạng

Nguyễn Thức Canh

(Tiếp theo trang 27)

Cụ Nguyễn Thức Canh vừa ở phủ Tổng Thống, thì Nguyễn thức Mẫn đã thuê sẵn riêng một chiếc ô-tô chạy về Nha Trang.

Cách ba hôm sau Diệm lại truyền lệnh cho ô tô ra đón ở nhà tiếp tân (Diệm yên trí là đang ở nhà tiếp tân chứ không phải ở Majestic và đã về rồi) thì người ta bảo bố con ông ta thuê xe về Nha Trang rồi,

* Về Nha Trang ở với con được độ nửa tháng, cụ Nguyễn thức Canh cố tìm tòi khảo sát đã nhận chân được bộ mặt thật của cá nhân và gia đình Tổng Thống Diệm cũng như sự có mặt của ông ta ở chính trường miền Nam, thì thiệt ra ông Diệm chỉ là một con bài chứ chẳng phải là cách mạng cách

miệng gì hết. Cho nên những việc đã và đang làm của anh em và đồng nhóm ông ta chỉ là những trò múa rối đề mưu cầu quyền lợi cá nhân và gia đình không hơn không kém.

Về Nha Trang cụ lại được nghe; cụ Phan sao Nam khi bị bắt tại Pháp đem về giam lỏng tại Huế và đã mệnh chung từ năm 1940 hiện nay chính phủ Ngô đình Diệm đã kiến trúc một ngôi nhà thờ rất lộng lẫy để tôn thờ cụ Phan. Con cụ lại còn kê cho nghe, ở Huế hiện nay còn có một nhân vật Mặc sĩ N.H.N, cũng người Nghi Lộc, đồ Tiễn sĩ làm tới chức Tá lý trong chính phủ Nam triều xưa cha muốn ra Huế thăm nhà thờ cụ Phan, nên viết thư thảo luận với ông này trước.

Nghe lời con, cụ viết thư cho Mặc sĩ N.H.N. #thư gửi được một tuần, thì cụ nhận được thư trả lời. Nội dung bức thư đại khái như sau:

Huế ngày... tháng... năm 1958

Kính gửi cụ Nguyễn thức Canh nhà tiền bối cách mạng.

Kính thưa Tiên sinh.

Trước hết xin phép Tiên sinh cho tôi được tự giới thiệu tôi người của lò Nghi Lộc gọi ông Nguyễn đức Công tức Hoàng trọng Mậu bằng cậu ruột, cậu tôi là người cùng Tiên sinh và lệnh đệ nhà liệt sĩ Nguyễn thức Đường tức Trần hữu Lực, đồng du lớp đầu tiên. Sau ngày hoạt động cách mạng qua nhiều phong trào cậu tôi đã cùng Liệt sĩ Nguyễn thức Đường bị giặc Pháp giết tại núi Bạch Mai, gần Hà Nội,

Trong thư Tiên sinh ngờ ý muốn ra Huế để chiêm ngưỡng nhà thờ cụ Phan. Việc này tôi thiết tưởng cần phải kể lại đầu đuôi và xác định lại với Tiên sinh cho rõ.

Cụ Phan, năm 1925, bị pháp bắt đem về giam lỏng

tại Huế, năm 1940 cụ mệnh chung tại Huế, lúc đó Cụ Huỳnh thức Kháng cùng anh em Tòa Soạn báo Tiếng Dân Huế, đã kiến trúc một ngôi nhà thờ để đơm thờ khói hương cho cụ. Nay bên ngôi nhà thờ nhỏ ấy, Tổng Thống Ngô đình Diệm lại bảo người em của ông ta là ông Cẩn cùng với một số đồng bọn ở Huế dựng lên một ngôi nhà thờ lớn đồ sộ, nói để làm nhà thờ các nhà Tiền bối cách mạng ở miền Trung. đứng đầu là cụ Phan bội Châu. Việc làm của anh em ông Diệm và đồng bọn Huế lần này phảng phất tương đồng với việc làm của Hoàng cao Khải ở ngoài Bắc.

Cạnh dinh cơ của Hoàng cao Khải ở ngoài Bắc, vốn đã sẵn có ngôi đền thờ Trung liệt thờ ba ông Nguyễn tri Phương, Hoàng Diệu và Nguyễn Cao,

Họ Hoàng vốn dĩ đã là họ Hoàng rồi, nhưng thấy 2 chữ «Trung liệt» thì vẫn tham, cho nên tự xuất ra một số tiền trùng tu trang đồ ngôi đền cũ lại rồi đổi tên là Trung lương, dự bị sẵn khi nào mình chết sẽ đem vào thờ

ngang một bên. một bên là «trung thân» một bên là «Lương tướng» (tự gán cho mình là Lương tướng).

Câu chuyện hài hước ấy đã được ông Đầu xứ Điện (cha của Phan Anh và Phan Mỹ) quê ở Hà Tĩnh ra dạy học ngoài Bắc mô tả trong bài thơ sau đây:

Các cụ liệu thân bỏ chiến trường.

Ai đem Trung liệt đời Trung lương.

Thờ bên trung trực bên gian nhinh.

Thế cũng đèn đài cũng khói hương.

Thơm thoĩ lẫn nhau mùi tặc hòng.

Ngọt ngào đầu miệng lưỡi không xương.

Nhà Nho lại có thằng nào đó.

Luồn cúi ra vào bộ cụ Hoàng.

Thì bây giờ cũng vậy, Diệm vốn dĩ là một người quan lại phong kiến, việc ông ta bỏ Thượng thư bộ lại về chỉ vì dốt và bất lực hơn không chèn ép nổi với Phạm Quỳnh, chứ chẳng phải là khí tiết anh hùng gì cả. Sau đó anh em và bè lũ ông ta lại theo ôm chân Phát Xít Nhật, việc Khôi (anh ruột Diệm) bị nhân dân Huế giết năm 1945 là vì vậy đó.

Mình không là cách mạng chi cả, nhưng cách mạng hiện nay là một danh từ thời đại mà những người muốn làm như Diệm cần phải có, mình đã là không cách mạng rồi, thì ít ra cũng phải tỏ mình là một người ái mộ tôn sùng những người cách mạng. Lý do anh em và đồng bọn Diệm trưng tu nhà thờ cụ Phan Nay là như vậy đó, nghĩa là họ lợi dụng danh nghĩa cụ Phan.

Họ có lợi dụng được danh nghĩa cụ Phan không? người đã chết rồi không còn chịu trách nhiệm. Chỉ khó xử như Tiên sinh bây giờ, mặc dù đã già yếu nhưng hãy còn sống nếu lỡ một chút thôi, sẽ bị bọn người tay sai ngoại nhân lợi dụng, bôi nhọ danh giá cả một đời chính trị trên 50 năm.

Nay Tiên sinh nghĩ kỹ và cảnh giác điều đó.

Qua những sự tìm hiểu quan sát, những lời giải thích của người con, nhất là lá thư của cụ Mặc sĩ N.H.N. cụ Nguyễn thức Canh đã xác định được một lập trường vững chắc không hề cho bọn Diệm lợi dụng với bất cứ một hình thức nào, cho tới lúc trút hơi thở cuối cùng vào năm 196... để giữ được trọn danh tiết với bố và 2 em cộng lại thành bốn người trong một gia đình cách mạng của đất Nghệ Tĩnh.

ĐỒNG TÙNG

Vị Thánh - tăng ...

(Tiếp theo trang 14)

mà sự bí mật của tính tình chàng được khám phá.. Căn bản cho tất cả, chàng là một người Cingala, triệt để tha thiết hy sinh cho tôn giáo mình, như chỉ có người Cingala, sau những thế kỷ bị nô lệ vì chính trị và bị áp bức về tín ngưỡng mới có thể có được trong thời buổi này. Với chàng, tôn giáo không phải là một sự xác tín trí thức nhưng là một bản năng,

Chàng sống, hoạt động, chàng tìm sự sống trong Phật giáo Nam tôn và trải qua những thế kỷ tê liệt, Phật giáo Nam tôn lại sống, hoạt động và tìm sự sống trong chàng. Chính ở đây là then chốt bí mật của ảnh hưởng chàng đối với dân tộc Cingala. Chàng không phải là một học giả thoát tục cúi nhìn xuống quần chúng mà chàng là

cả một biểu hiện của lòng tin thành của dân chúng ; thân thể của chàng là thân thể của dân chúng, tinh thần của chàng là tinh thần của dân chúng, cảm xúc của chàng là cảm xúc của dân chúng, tín ngưỡng của chàng là tín ngưỡng của dân chúng... trong chàng như gì tốt đẹp của Đất tình quốc gia đều được nâng cao đến một mức độ tốt cùng và khi thấy chàng, dân chúng nhận thấy hình ảnh của chính mình, không phải chỉ là hình ảnh quá khứ mà chính cả là hình ảnh của tương lai mà họ có thể đạt đến một lần nữa.

Đưa con trong mộng của Mallika Hewavitarne nay đã lên 5 tuổi, và thời gian đã đến để giòng nước tin thành mãnh liệt sẵn có của cá tính chàng và

chạm với những ảnh hưởng bên ngoài, song mọi trở ngại sẽ chỉ giúp phát triển thêm sự mãnh liệt hồn nhiên và tốc lực của dòng nước ấy... Sự tiếp xúc đầu tiên với đời ở ngoài khung cảnh của gia đình — trong ấy ảnh hưởng Phật Pháp thấm nhuần như hương thơm kín đáo — đến với chàng khi chàng được đưa tới học tại một trường mà phần đông học sinh là « Burgher » nghĩa là dòng giống lai Cingala và Hoà Lan. Ở đây chúng ta cần đề ý đến giai đoạn chủ yếu này. khi mà lần đầu tiên, tâm trí chàng va chạm với những sức mạnh hoàn toàn thù nghịch với tất cả những gì chàng thương yêu và tin tưởng ; và trọn suốt đời chàng, bản tính chàng vẫn giữ được một cách vẹn toàn và điều hòa một cách kỳ diệu, hoặc bị đối chất với một bài toán về hành vi cá nhân hay thuộc phạm vi đạo đức, hoặc phải đứng trước những tập quán của hòn đảo thân yêu hay những văn minh mới lạ của Âu-châu hay Viễn Đông chàng

vẫn đứng thẳng không lay chuyển nhận thức và phê phán mọi vật dưới ánh sáng của chánh pháp ; và, một khi hiểu là chân chính, chàng hành động thẳng không chút sợ hãi, rụt rè. Trước một đề nghị khuyến chàng nên hối lộ để thắng một vụ kiện liên quan đến đạo tràng, chàng đã tỏ ra khinh miệt và từ chối nói rằng dầu sự đắc thắng của Bồ - Đề đạo tràng đối với chàng quý giá hơn mọi vật trên đời, chàng vẫn thà chịu thất bại hơn là dùng đến những phương-tiện đáng khinh. Khi chàng thấy thác nước Nigara với những triệu tấn nước ào ào đổ xuống trong một phút chàng chỉ phát biểu rằng đó là một hình ảnh linh động về tánh vô - thường của nhân tánh mà chàng chưa từng được thấy. Bởi lẽ đã từ lâu ngày quán tưởng sâu xa về những sự thật của chánh pháp, nên những sự thật ấy sau rốt đã biến thành một phần của tâm tánh chàng ; thành thử mọi suy nghĩ, lời nói, hành động đều xứng hợp với những sự thật kia đề trở

nên rất tự nhiên đối với chàng. Nhưng cũng chính vì sự cao thượng sẵn có ấy mà một tính tình như của chàng rồi phải va chạm, không trước thì sau, với những thành kiến nhút nhát, những giả dối dễ tiện của cuộc đời, và do đó đời sống của một con người như Dharma-pala không thể tránh khỏi là một cuộc chiến đấu không ngừng chống với bất công tà thuyết và với tội lỗi dưới bất kỳ hình thức nào. Lẽ dĩ nhiên sự xung động chỉ bắt đầu nhiều năm sau thời kỳ chúng ta đang nhắc tới; tuy nhiên, điều đặc biệt mà chúng ta nên đề ý là chính trong thời gian này, nhiều câu hỏi đã thốt trên môi « đứa bé » khiến cho bà mẹ khó mà trả lời được tất cả.

Cũng như khiến cho cha chàng, đã phải nghĩ là nên dùng đến quyền hành của người cha để « cảm đoán » đứa con trai quá mẫn tuệ này. Dầu niềm tin kính tôn giáo cổ truyền của gia đình không thể không hiểu rằng những tập quán cổ truyền ấy không phải đã được người công nhận, và chàng đã

tự kiểm những lời giải thích điều sai khác kia. Dần dần tâm trí non nớt của chàng bắt đầu hiểu rằng thế giới này chia ra một phái Phật Tử như cha mẹ chàng, dộc lòng, tôn kính chánh pháp, và một phái theo đạo Thiên Chúa như những thầy giáo của chàng, rất thù ghét đạo Phật. Chính lúc này, chàng đã tự hiểu chàng phải đứng về phía nào giữa hai phái, và vì ai cho ai mà chàng có bổn phận chiến đấu. tuy nhiên trong những năm đầu tiên của tuổi trẻ, chàng đã không cho phát lộ chí hướng của mình và cho đến năm sáu tuổi, trong khi theo học trường Thiện Chúa Pettah, một hôm khi bị người ta bảo quý xuống hôn chân vị tổng chủ Hilarion Sillani khi vị này đến thăm trường, chàng « vắng » lời.

Trường tiếp theo mà chàng theo học là một trường tư thục Cingala. Chàng học được hai năm, và ra trường lúc mười tuổi. Vì Tỷ Kheo Devamitta Dhammapala, trong quyển « Kỷ niệm những năm thơ ấu » đăng trên báo Maha Bô-Đề tập 41 số 5 và 6 có chép : « bài học đầu tiên được học theo phong

tục Cingala là dâng trâu hầu thầy và tỏ lòng tôn phục thầy ». Vị thầy của chàng triệt đề tôn trọng quy luật điều ấy rất có ảnh hưởng đến bộ óc non trẻ của chàng — ; người lại thường dạy sự cần thiết phải giữ gìn mọi vật thanh khiết và phải dùng nước rất nhiều để giữ thân thể sạch sẽ. Lời dạy hình như được nhớ kỹ, vì cho đến suốt đời, ngài Dharmapala đã luôn luôn giữ gìn mọi vật ngài dùng và chỗ ở đặt biệt thanh khiết và thứ tự. Tại ngôi trường Cingala này, chàng được học tất cả những sách Cingala được dạy trong các ngôi chùa Tích Lan và nhờ vậy mà chàng có một căn bản học hiểu về ngôn ngữ và văn học của đất nước chàng. Sau khi rời khỏi trường tư thục Cingala, chàng được vào học một lớp thấp nhất ở viện St Benedict và những giáo sư dạy chàng là các thầy giòng August Daniel, Joshua và Cassion. Cứ nửa giờ học, cả lớp lại phải đứng lên đọc một đoạn kinh ca

ngợi Thánh đồng trinh Mary và các ngày thứ năm chàng phải đến dự một lớp học riêng do một thầy dòng dạy. vì chàng là một Phật Tử. Trong những ngày lễ, chàng thường trang hoàng điện thờ Chúa của trường với những đóa hoa thơm dịu mà chàng hái tại vườn hoa của cha chàng. Gia đình chàng lúc ấy từ Pettah dời về một ngôi nhà mới ở Kolahena, thửa ấy còn là một chỗ đồng ruộng xanh tươi với những cây dừa nước trông thật phong nhã. Hình như mọi người chỉ chờ đợi một ngày kia một Cha bề trên sẽ hỏi chàng vì sao không theo đạo Thiên Chúa ; và sau này, chính chàng cũng đã có lần tự hỏi mình như vậy, một khi mà đạo Thiên Chúa đang ở trong thời kỳ cực thịnh .. Ở Colombo, chàng sáng suốt ghi nhận rằng chính ảnh hưởng của cha mẹ Ông Bà chàng đã dự một phần rất lớn trong việc giữ gìn chàng ở lại trong gia đình Phật Tử. Lời

nhận xét ấy không những bao hàm những khóa lễ hàng ngày của chàng, sự đều đặn đi viếng ngôi chùa Ketahena với mẹ chàng và những buổi chiều ẩm cúng trong khung cảnh gia đình mà ở đó chàng đã đọc lớn tiếng những chuyện tiền thân của Đức Phật, mà còn bao hàm cả một sự thí nghiệm tôn giáo khác mà ảnh hưởng.

Năm lên chín, chàng được tập phát nguyện giữ hạnh Brahmacharya với thân phụ tại chùa, và chàng được khuyên phải bằng lòng với những món ăn mình dùng cũng như phải biết ngủ rất ít. Ảnh hưởng của sự thí nghiệm tôn giáo ấy mãi trường cửu nơi chàng và cho đến những năm cuối cùng ngài Anagarita nghĩa là « kẻ không nhà » như chàng thường gọi vẫn luôn luôn bằng lòng với những món thực phẩm ngài dùng, và mỗi đêm ngài chỉ ngủ hai ba giờ. Chúng ta cần phải đề ý rằng mặc dù đời ngài là một

đời phấn đấu tốt cùng với những hoạt động và kết quả thiết thực, lớn lao, tánh tình ngài vẫn thiên về đời sống khổ hạnh. Ngài thích cảnh tĩnh mịch, trầm mặc và nếu những điều này không chiếm một địa vị ưu thắng trong đời sống của chàng, nguyên do vốn không phải vì ý muốn mà chỉ vì hoàn cảnh thời thế trong đó ngài sống, và vì bốn phận phải làm thức tỉnh sự trầm trệ của Phật Giáo thế giới bị chìm đắm trong hàng thế kỷ nay Đến tháng 5 năm 1876, chàng bị ban quản trị trường St Benedict bắt buộc phải rời khỏi trường: và dù không được nghe nói rõ nguyên nhân, như cứ nhìn vào những sự tình tiếp tục xảy ra trong đời sống chàng, chúng ta cũng có thể dễ dàng đoán hiểu đúng đắn những nguyên nhân ấy. Dầu chỉ mới là sư tử con, con sư tử đảo Lanka cũng đã có những móng vuốt sắc bén rồi...

(còn nữa)

Báo AN-LẠC viếng thăm vùng hỏa hoạn

Tại Khu V ấp Phú - Trung III

THUỘC XÃ PHÚ - THỌ - HÒA

Nhân vụ hỏa hoạn này:

Chúng tôi xin đặt thành vấn đề đường ngõ trong các khu xóm tại ấp Phú Trung với Chánh quyền để khi có hỏa hoạn xe cứu hỏa có đường vô để cứu nguy cho dân xóm nhà nghèo

Vụ hỏa hoạn tại khu V thuộc ấp Phú Trung III mới xảy ra hôm chiều ngày 25-3-67 lúc 6 giờ làm ngót trên 113 nóc nhà bị thiêu rụi và non 30 căn bị giập sập — Tồn phí lên đến gần 7 triệu đồng đó là về tài sản — Còn nhân mạng thì hơn 10 người bị thương vì phòng lửa, vì cây đề...

Tuy vậy, nhưng cũng là may mắn lắm, vì nhờ có sở cứu hỏa cho các xe phun nước đến kịp thời mới còn cứu vãn được một số khá lớn nhà đồng bào khỏi bị thần hỏa viếng. Theo dư luận dân chúng tại khu hỏa hoạn than phiền cũng như theo chỗ chúng tôi nhận thấy sở dĩ có sự cháy nhiều

và lan rộng ra như vậy gây thành một thiệt hại lớn cho đồng bào tại vùng — Phần lớn là đồng bào chạy loạn giặc ở các tỉnh về chui rúc, đã khổ lại còn gặp cảnh khổ thêm...

Chung quy là bởi vì đường ngõ khu này (và nói chung cho các khóm khu khác thuộc toàn ấp) không có lối vô vì đồng bào xây cất nhà cửa thường lẫn ép ra những đường hẻm làm cho đường quá chật có những nơi làm bít cả lối thông ra lộ để cho ngõ hẻm phải quanh co, uốn khúc nên xe cứu hoả có chỗ khó mà vào tận sát xóm nhà đông dân nên thần hoả mới hoành hành thôn xóm một cách rộng lớn và gây nên một sự thiệt hại to lớn như thế !

Nhân vụ này và cũng để tránh cho những khu xóm khác thuộc toàn Ấp Phú-Trung, xã Phú-Thọ-Hoà nói riêng và chung cả cho thủ đô Sài gòn cũng như Gia-Định. Chúng tôi xin yêu cầu chánh phủ (trong khi đó dân chúng tự ý-thức hưởng ứng và lo liệu — Chánh quyền địa phương thì giúp về phương diện vật chất cũng như tinh thần) để, và buộc dân chúng nào có nhà xây lẫn ra các đường hẻm và nhất là những căn nhà nào làm chặn ngang ngõ thông thẳng ra mặt lộ chính để ngõ hẻm phải quanh co uốn khúc — Nay phải được cho khai thông, nới rộng những đường hẻm đó để đường được thông sâu vào tận cùng thôn xóm ít nhất là phải cho lọt được chiếc

xe cứu hỏa để gặp khi có hỏa hoạn dân chúng được nhờ sự cứu giúp hữu hiệu của các xe cứu hỏa của sở cứu hỏa đô thành. Được thế sẽ tránh bớt cho sự tổn thất về tài sản của đồng bào cũng như về ngân khoản quốc gia phải cứu trợ mỗi khi có hỏa hoạn ở một vùng nào!

Tiền cứu trợ đó chính quyền chỉ trích giúp một số rất ít cho ngay từ bây giờ(chỉ giúp rất ít về tài chánh và phương tiện mà thôi) đại khái như giúp cho một số đất, đá nhờ xe nhà binh chở đến các đường ngõ hẻm còn dân chúng thì phải bỏ công ra để sửa sang việc khai thông mở rộng các đường hẻm trong thôn ấp của mình để hầu tránh hỏa hoạn sau này gây nhiều tổn thất có khi gặp trăm, gặp ngàn lần cho tài sản của đồng bào cũng như cho ngân quỹ của quốc

gia. Bởi vậy, giờ đây sự dọn dẹp, khi ai thông đường ngõ. Vì để tránh sự lộn lạo chung cho số đông nếu không may sẽ gặp cảnh tang tóc!

Chúng tôi xin kính chuyển lời thỉnh cầu này của đồng bào thuộc những vùng có hỏa hoạn (1) lên chính phủ thông cảm cho cảnh nghèo khổ của dân chúng ở những khu nhà đông, đường chật mà sớm mchoban hành lệnh sửa sang lại đường hẻm thuộc các xóm khu sớm được thi hành để nhân dân ngày đêm bớt lo sợ cảnh khốn khổ của đồng bào thuộc khu hỏa hoạn vừa qua còn ám ảnh họ. Được thế dân chúng sẽ biết ơn chánh phủ.

LONG NGÀ

(1) cũng như những vùng khóm lân cận

TRONG Đệ nhị thể chiến, đại tướng Nại Mộc có đưa ra một thuyết mệnh danh là thuyết «mười lăm phút sau cùng». Đại ý thuyết này nói rằng, trong một cuộc chiến tranh — ít nhất là như cuộc chiến tranh đang xảy ra thời đó, — nếu đối thủ nào đủ sức chịu đựng được thêm mười lăm phút sau cùng thì đối thủ đó sẽ thắng.

Ta có thể tìm thấy trong thuyết này một bí quyết về chiến lược và đồng thời, một thực trạng về những cuộc chiến tranh thời

Mười lăm
phút
sau cùng



hiện đại. Thực trạng đó, trước hết, là một sự hầu như đồng cân lực lượng giữa hai đối thủ. Hai bên lâm chiến hầu như có sức mạnh tương đương, và do đó, cuộc đọ sức sẽ phải kéo dài; và cuối cùng, kẻ thắng người thua, cả hai bên đều phải chịu thiệt thòi nhiều xương máu. Một cuộc chiến thắng lý tưởng, với kẻ

hăng bước ra khỏi vòng đấu, nguyên vẹn, ung dung, một cuộc chiến thắng như vậy có lẽ sẽ không còn tìm thấy trong thời đại này nữa. Kết quả tất nhiên của một cuộc chiến tranh hiện đại, cho kẻ thắng cũng như người thua, sẽ là cả một sự kiệt quệ, sút mẻ, sẽ là rất nhiều những khổ đau và tang tóc.

Ấy vậy mà, trước một cuộc chiến tranh mà hậu quả bi đát rành rành như thế, người ta vẫn phải lặn xả vào. Vẫn phải lặn xả vào, mặc dù biết rằng vô hạn những thiệt thòi đang chờ đón.

Vị đại tướng Nhật-Bồn, ghi xướng ra thuyết trên, hẳn đã nhận thức rõ rệt thực trạng của một cuộc chiến tranh thời hiện đại, nhưng có điều là ông vẫn, cũng như đồng bào của ông, hăng hái xông vào, và còn lấy nó làm một nguyên tắc, một bí quyết để tranh thắng.

Tuy cứu nguyên nhân, thì đó là vì: một, nước Nhật Bồn bị đẩy vào cái thế phải chiến tranh

không cưỡng lại được; và hai, là vì đại tướng Nại Mộc, cũng như đồng ngũ của ông, tin rằng họ sẽ thắng, nếu có thể chịu đựng được mười lăm phút cuối cùng.

Không ai không nhìn nhận rằng, về khả năng nhân sự dân tộc Nhật Bồn có một sức chịu đựng lớn lao về hăng nhất trên địa cầu, do vì họ là một dân tộc can đảm và giàu lòng tự hào chủng tộc. Nhưng điều đó, như lịch sử đã chứng minh, vẫn không ngăn họ khỏi bại trận, nghĩa là ngã trước mười lăm phút cuối cùng.

Tại sao như vậy?

Câu trả lời có thể là nhiều, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất có lẽ chỉ có hai: một là vì nước Nhật đã lượng tính sai về khả năng của địch, hai là vì nước Nhật, trong vai tuồng xâm lược của mình, đã thiếu một chính nghĩa tốt đỉnh làm động lực thủ thắng. Bởi vì chỉ có một chính nghĩa tốt đỉnh mới có thể động viên được toàn dân, phát huy triệt để mọi tiềm lực của dân tộc để chiến đấu.

Trong một cuộc chiến tranh,

kẻ mạnh nhất sẽ là kẻ thắng. Đó là một định luật, một tất nhiên. Tuy nhiên, vấn đề không phải giản dị. Là vì, sức mạnh của một nước không phải là một con số bất biến, và ta không thể nhìn vào bảng thống kê về ... vũ khí, quân số, tài chánh... để định giá sức mạnh của kẻ lâm chiến. Cái sức mạnh của chiến tranh đã đánh là có tùy thuộc vào những con số; vật chất đó một phần khá lớn tuy nhiên, cái quyết định phải là yếu tố tinh thần. Chính yếu tố tinh thần này là cái xẻng đào khơi thống nguồn sức tìm lực vô biên của một dân tộc, chính nó sẽ là một bài toán nhân kỳ diệu nhân gấp bội sức mạnh của một phe lâm chiến — nếu phe đó cầm chính nghĩa trong tay.

Cố nhiên một khẩu súng bắn xa mười cây số sẽ là một khẩu súng bắn xa mười cây số, một trái bom mạnh mười tấn sẽ là một trái bom mạnh mười tấn; nhưng vấn đề còn là ở chỗ sử dụng khẩu súng và trái bom như thế nào, cho trúng đích, cho có hiệu lực. Cũng đồng thời một toán quân như thế, nhưng có thể

mạnh có thể yếu, có thể thắng có thể bại; điều quyết định là còn do chiến thuật chiến lược, còn do tinh thần quyết đấu hay không của đạo quân này. Mà một khẩu súng, một trái bom nhằm trúng đích hay không, một bộ chỉ huy có chiến thuật chiến lược tuyệt vời không, một đạo quân có tinh thần quyết đấu và sáng tạo không, cái đó một phần lớn là do nó có chính nghĩa không vậy.

Mà chính nghĩa của một nước lâm chiến là gì — tôi muốn nói đến một thứ chính nghĩa tuyệt đỉnh — nếu không phải là cái chính nghĩa bảo vệ quyền sống. Một dân tộc chiến đấu để chọn giữa nô lệ và độc lập, giữa nô lệ hay là... chết, chiến đấu để bảo vệ đất nước và giống nòi, dân tộc đó hiển nhiên là đang chiến đấu với chính nghĩa tuyệt đỉnh. Và như vậy, họ nắm trong tay chiếc đu thần để phát huy triệt để mọi tiềm lực, và về lâu về dài, họ sẽ chiến thắng vì họ sẽ là kẻ mạnh nhất. Thời gian sẽ đứng về phía họ, vì càng đánh, họ sẽ càng mạnh thêm — trong khi

kẻ thù càng đánh càng tiêu hao càng suy yếu.

Khởi sự, họ là kẻ yếu, nếu đứng trên quan điểm của thực số, của sức mạnh vật chất. Nhưng càng vào cuộc, mọi tiềm lực của họ càng được phát triển, và trên căn bản của một phương thức nhân cấp số, sức mạnh của họ càng tăng gấp bội, gấp triệu lần. Lịch sử của những cuộc chiến đấu dành độc lập của các dân tộc Á phi thời hiện đại là một chứng minh hùng hồn nhất chứng minh rằng: rốt cuộc, một kẻ lạm chiến có chính nghĩa sẽ đứng vững trong mười lăm phút sau cùng.

Hiển nhiên, đối với cái thuyết của Nại Mộc tướng quân, những phe lâm chiến trên thế giới đều biết, và hiển nhiên, các phe đối thủ đang dùng thuyết này như một bí quyết, như một then chốt

của chiến lược.

Đại tướng Nại Mộc đã đưa ra thuyết 15 phút sau cùng, nhưng chưa biết đưa ra thuyết 15 phút được lòng dân.

Chúng ta suy ngẫm thuyết này và ôn lại những cuộc chiến từ thời tiền sử và hiện tại. Những kẻ phi chính nghĩa là những kẻ bại, dù có binh hùng tướng mạnh, vô khí tinh vi và mưu xảo đến đâu cũng không qua được luật thừa trừ của tạo hóa.

Mười lăm phút sau cùng, mười lăm phút sau cùng, sẽ ứng hiện gần đây, nhưng ai là người đoạt được mục đích vi diệu của chiến lược 15 phút sau cùng đây? Kẻ mạnh tinh thần hay là người mạnh vũ lực? Điều đó cũng đề giành lại 15 phút sau cùng sẽ trả lời cho bạn đọc.

T. ĐÔNG PHƯƠNG



Tòa soạn An Lạc đã nhận được những bài :

— Đạo Phật với vấn đề cách mạng — Giác Nghĩa — Đôi Mắt —
 Phạm đình Tư * Nhớ lời mẹ dạy — Đồ Liêm * Nhớ về đất Vĩnh —
 Mai Hồ * Ngôi tháp trắng — Nguyễn thạch Vũ * Mộng Châu — Vương
 thừa Sang * Bức thư ngô của BS GORLISS LAMONT gửi ĐS HENRY
 CABOT LODGE — Bỏ câu dịch * Chuyện xe hội ngộ — Giác Nghĩa
 * Đức Phật và cách mạng — Minh Thăng * Trăng đêm giao thừa —
 Tâm Thanh * Sáu chinh chiến — thơ Bằng Giang * Lời mai rưng (thơ)
 — Triều việt Anh * Tôi oán ghét (thơ) — Hoài hương Thu — Câu
 kinh (thơ) — Nguyễn văn Phụng — Mẹ (thơ) — A.H Sông Thương —
 Hình ảnh ra đi (thơ) — Tâm Phong — Lửa ca (thơ) — Hữu Hoàng —
 Khẩn nguyện (thơ) — Giang Hải — Hãy tu niệm (thơ) — Song Thanh
 — Định nghĩa (thơ) — Lê đình Gia Trung hậu — Lời hồng trái tim (thơ)
 — Phạm tình Tư — Vô định (thơ) — Á nam Hương Vỹ...

Vì một vài lý do, nên không thể đăng được. Tòa soạn mong
 nhận những loạt bài mới. Kính chúc quý vị an lành đề phục vụ dân tộc
 trong địa hạt văn hóa.

AN LẠC TẠP CHÍ

Tô Tiều muội

(Tiếp theo trang 46)

« Đồng sắt vào lò lớn.

Âm dương không hai lẽ

Sâu kiến lên tường vôi.

Trời đất giữa là ai ?

Xem xong, Thiều Du mỉm cười: Nếu cái đề này không phải là ta thì ai mà làm được vì ý Tiều Muội định bốn ta là người đạo nhân hóa trang hôm trước đây mà ! Vì đồng sắt vào lò lớn thì phải hóa đi, tức là chữ HÓA, Sâu kiến lên tường vôi là leo, tức là chữ DUYÊN, Âm dương không hai lẽ là chữ ĐẠO. Trời đất giữa là ai ? Giữa DUYÊN ĐẠO NHÂN. Nghĩ xong liền cất bút viết bốn chữ HÓA DUYÊN ĐẠO NHÂN đưa cho con thị tỳ đem nộp vào. Bỗng trong phòng có tiếng khen hay.

Thiều Du mở đến phong bì thứ hai thấy có bốn câu thích nghĩa tên của các vị cồ nhân. Thiều Du cất bút đề ngay :

— Câu thứ 1 : Con cháu hơn Ông, Bà tức là TÔN QUYỀN.

— Câu thứ 2 : Dùi tường lấy ánh sáng tức là KHÔNG MINH

— Câu thứ 3 : Con thường nhớ mẹ tức là TỬ TU.

— Câu thứ 4 : Lão Ông tựa cửa mong tức là THÁI CÔNG VỌNG.

Đề xong đưa cho Thị tỳ đem vào. Đoạn Thiều Du lại bóc lấy bì thứ ba thấy có một vế câu đối như sau: « CÀI THEN ĐẦY GẠT NGUYỆT NGOÀI SONG ».

Mới xem qua Thiếu Du ngỡ là dễ, song sự thật tìm cho được thật chính đề đề đối lại thì vẫn còn lúng túng chưa ra. Thiếu Du đành ngâm đi ngâm lại câu: «Cải then đây gặt nguyệt ngoài song» và hai tay làm bộ đẩy cánh cửa ra vào đề tìm ý. Đã lâu mà chưa có chữ nào cho cân xứng đề đối lại. Thiếu Du mới lặng lẽ bước ra sân lại bên cạnh hồ nước đứng ngẩn người, trầm ngâm với cảnh tĩnh mịch của đêm hầu khuya, trăng hầu tàn.

Đêm ấy Tô Đông Pha chưa ngủ biết thế nào em mình cũng thử thách Tân lang nên lần bước lại hương phòng đề dò xem hư thực. Quả nhiên, Đông Pha thấy Thiếu Du cứ đi đi lại lại ngâm mấy câu: «Cải then đây gặt nguyệt ngoài song» và thỉnh thoảng đưa hai tay lên ra bộ đẩy cánh cửa ra vô cho ánh trăng bị trượt ra ngoài cánh cửa, thì biết là đêm nay Tân lang bị bức bách về câu đối hiểm, định bụng gờ cho nhưng chưa có dịp. Khi thấy Thiếu Du bước lại bên hồ nước, bèn đứng hắng làm cho

Thiếu Du, giật mình ngược mắt nhìn quanh, Tô Đông Pha bèn lấy hòn đá ném ngay vào hồ nước, làm nước bắn tung toé lên, rung động muôn vạn ngôi sao đang chết chìm trong đáy hồ. Cái cảnh ngẫu nhiên ấy làm cho Thiếu Du tỉnh ngộ và hội ý bèn bước vào lấy bút viết một vế nữa đưa vào. Bỗng trong phòng có tiếng chuông ngân và có tiếng khen «Hay tuyệt! Cải then đây gặt nguyệt ngoài song mà đối với: Ném đá chuyền rung trời đáy nước» thì thực là tuyệt.

Trong khi Thiếu Du đắc chí cười, thì cửa phòng chợt mở một con thị tỳ khác ăn mặc lộng lẫy tiến đến trước mặt Thiếu Du rót rượu vào chén ngọc và quì xuống dâng luôn 3 chén rượu. Đoạn rước mời Thiếu Du vào phòng. Đứng trước, giây phút đầy thơ mộng của đêm tân hôn, Thiếu Du lòng không khỏi rào rạt, mà nhất là đứng trước một giai nhân danh sĩ thì chắc Thiếu Du cũng tự hào là mình hạnh phúc hơn ai.

HUỲNH-PHƯƠNG-CHÍ

Cần vẽ họa đồ tháp thờ

HÒA-THƯỢNG QUẢNG-ĐỨC

Tại chùa Quán Thế Âm (nơi di tích của Ngài)
theo kiểu Việt Nam

Quý vị Phật tử biết vị Kiến-trúc-sư nào vẽ họa đồ theo kiểu Việt-Nam (không lai ngoại) nghĩa là thuần túy cổ kính dân tộc tính hoàn toàn, nhưng rất trang nghiêm và huyền bí xin giới thiệu chúng tôi thành thật cảm ơn.

Vì suốt ba năm nay chúng tôi đã tìm khắp các vị «Kiến trúc sư» danh tiếng trong nước nhưng chúng tôi chưa vừa ý hay vì chúng tôi còn thiếu nhân duyên «ước phí bảo tháp» độ năm triệu đồng.



Ta nên nghỉ

thơ của HÀN PHONG

HUYỀN TRANG TỬ



Quốc Sư PHẬT GIÁO VIỆT-NAM

Thượng Tọa **MẬT-THÊ** Sức Tọa

II.) Đoàn thứ hai: ĐÀM NHUẬN PHÁP SƯ.— Ngài ở Lạc Dương, tinh thông luật điển. Ngài qua sông Dương Tử lần xuống phía Nam, đến đất Giao Chỉ có trú lại ít lâu, được các thiện nam tín nữ sùng mộ rất đông, Rồi ngài lại xuôi về phía Nam định qua Thiên Trúc, nhưng vừa đến Bọt Bồn (Java) thì thọ bệnh rồi tịch, thọ 30 tuổi.

2 — TRÍ HOÀNG PHÁP

SƯ.— Ngài ở Lỗ Giang, cháu ông sư già Vương Huyền Sách, lúc nhỏ đã thông hiểu đạo Phật lớn lên đi du lịch khắp Trung quốc, sau lại muốn qua Đông Ấn; gặp Vô Hành Thuyền sư cùng đến hợp phở (bán đảo Quảng đông) rồi xuống thuyền dọc theo đường biển không may gặp bão phải đậu lại Thượng Kinh hai ngài bèn đi ngược lên

Giao Châu ở lại một năm. Sau gặp một chiếc thuyền lớn, hai người bèn về xứ Thất lợi Phật thế. Ngài ở Trung Ấn độ gần 8 năm sau qua sứ Cachemire Bắc Ấn độ rồi không rõ ngài tịch ở đâu.

3 — TĂNG GIÀ BẠT MA. — (Samyhavarma) Ngài ở nước Khương Cư, lúc nhỏ đi chân qua bãi sa mạc đến Kinh đô. Khoảng năm Hiền Khánh (656 — 660)) được sắc lệnh theo một sứ giả qua Tây phương đến Bồ Đề đạo trường, được dự yến gần bên Kim cang tọa (Vajrasana). Sau trở về Trung Quốc được chỉ dụ qua Giao Chỉ tìm các bảo vật. Lúc này Giao Chỉ đương bị nạn mất mùa đói kém, ngài bèn hợp sức cùng quan địa phương ngày nào cũng phát chẩn cho dân, nhưng không thể chu cấp hết được; ngài động lòng từ bi thường rơi lệ chan chứa. Dân bản xứ bấy giờ gọi Ngài là « vị Bồ Tát hay khóc ». Ngài thọ được 60 tuổi.

III) Đoạn thứ ba — I — VÂN KỲ THUYỀN SƯ. — Ngài ở Giao Châu, thường đi du lịch với ngài Đàm Nhuận, thông hiểu

chữ Phạn có trú ở Thất Lợi Phật Xá. Ngài thọ chừng 30 tuổi

2 — MỘC XOA ĐỀ BÀ. — Ngài cũng người Giao Châu không rõ tên thật là gì, đã từng vượt Nam hải và đi khắp các xứ. Khi đến Bồ Đề đạo trường ngài cúng dường xá lợi Phật rồi tịch, thọ được 25 tuổi.

3 — KHUY SUNG PHÁP SƯ. — Ngài cũng ở Giao Châu, đệ tử của ngài Minh Viên, tên chữ phạn là Chất đất la đề bà (Citra-deva) cùng ngài Minh Viên đi đường bề tới đảo Tích Lan rồi qua Tây Ấn gặp ngài Huyền Chiếu, lại qua Trung Ấn Ngài bần tình thông minh và bạt thiệp, hiểu hết các kinh điển chữ Phạn, Khi đến thành Vương Xá (Kuçâgârapuca), sau khi tham yết Bồ đề thọ, ngài lâm bệnh và tịch trong vườn Trúc lâm, thọ 30 tuổi.

5 — HUỆ DIỆM PHÁP SƯ. — Ngài cũng ở Giao Châu, đệ tử của ngài Vô Hành, đi qua Tích Lan rồi trú luôn ở đó, ngài tịch vào năm nào không rõ

5 — TRÍ HÀNH THUYỀN SỰ.— Ngài ở Ái Châu tên chữ Phạn là Bát nhã đề bà (Prajñadeva). Ngài qua Trung Ấn và hành hóa khắp nơi. Khi đến Bắc Kinh già (Ganga), ngài nghỉ luôn ở chùa Tịnh Già và tịch ở đó, thọ 50 tuổi.

6 — ĐẠI THẶNG ĐĂNG THUYỀN SỰ.— Ngài cũng ở Ái Châu tên chữ Phạn là Ma Ha gia na Đát địa dĩ ba (Mahāyāna — Pradīpa). Lúc nhỏ ngài đi theo cha mẹ qua xứ Đồ hòa La bát đề (Dvāravāṇī). Sau được đi theo sứ giả là Diệm Tư về kinh đô Trung Quốc, thọ giới với ngài Đường Huyền Trang. Ngài thông hiểu nhiều kinh điển, quyết chí đến Bồ Đề đạo trường tham lễ, nên muốn vượt bể qua Thiên Trúc. Ngài qua Tích Lan qua Đông Ấn, Nam Ấn rồi ở xứ Đam Ma lập đề (Tāmralipti) mười hai năm ; như thế mà ngài được thông hiểu tiếng Phạn. Ngài có thích nghĩa bộ « Duyên sanh luận » (Nidānacāstra) và nhiều kinh khác. Rồi ngài cùng đi với ngài Nghĩa Tịnh đến Trung Ấn thăm chùa Na Lan đà

(Nalanda) rồi đến viếng Kim cang tọa và trở về Tích xá lý (Vai, cālī), sau lại qua nước Cu Chi với ngài Vô Hành. Sau ngài tịch ở Bát niết Bàn (Parinirvāṇa), thọ 60 tuổi.

Xem như vậy ta thấy Phật giáo ở Việt Nam về đời Bắc thuộc này có thể gọi là thịnh. Trong xứ đã nhiều pháp sư Tàu và Ấn Độ qua lại giáo hóa, nên ta mới có nhiều ngài ngộ đạo và chịu khó đến tìm tận nơi Phật địa đủ tâm đạo như vậy. Nước ta về thời ấy làm trung gian cho Tàu và Ấn Độ lại có cái lợi này : hồi ấy dân Chăm còn mạnh lại ở gần ta, họ lại dùng chữ Phạn làm văn tự và thông hiểu cả tiếng Qua Oa (Java), nên ta cũng có nhiều người giao thiệp với họ, cũng hiểu hai thứ chữ đó. Bởi thế, những người Tàu qua Ấn Độ và người Ấn Độ qua Tàu, khi tới Giao Châu, thường tìm người nước ta làm thông ngôn hoặc cộng tác dịch kinh chữ Phạn. Như vậy ta không nên ngạc nhiên khi thấy nhiều kinh điển về bản cựu dịch hoặc tân dịch đều dịch lần đầu tại Annam,

Tiệc thay hồi ấy ta chỉ có những nhà tâm đạo, ngộ đạo dịch kinh mà lại không có mấy ai có óc phát triển hoặc bồ luận, trước tác, đề góp thêm sách vào kho kinh điển nhà Phật ở xứ mình.

Tuy nhiên, Phật giáo ở nước ta càng ngày càng được chính phủ đồ hộ biệt đãi và chú ý. Dân tộc Tàu từ ấy đã bớt cho người mình là một thứ mọi rợ man di nữa ; đó cũng là nhờ ở mấy vị cao tăng. Xem. trong sách Kiến Văn lục của Quế Đường tiên sanh (Lê quý Đôn Có trích được mấy bài thơ của mấy đại thi hào đời Đường, xướng họa với mấy vị cao tăng nước ta khi các ngài qua Trung Quốc thì đủ biết Mấy bài này ở sách Loại hàm anh ngữ của Trung Quốc thấy chép.

1 — NHẬT NAM TĂNG. — Chỉ biết ngài người quận Nhật Nam chớ không rõ tên hiệu là chi. Khi ngài trú trì ở một ngôi chùa trong hang núi bên Tàu thi hào Trương Tích đề tặng một bài thơ ,

SƠN TRUNG TẶNG NHẬT NAM TĂNG !

Độc hương song phong lão,
Tùng môn bể lưỡng nhai,
Phiên kinh thượng tiêu điệp,
Quải nạp lạc đẳng ba.
Thứ thạch tân khai tỉnh,
Xuyên lâm tự chủng ma.
Thời phùng Nam hải khách,
Man ngữ vấn thủy gia ?

Dịch : Núi thăm một mình ăn,
Cửa từng đôi cánh gài.
Lá chuối biên kinh cũ,
Bông mây rụng áo dài,
Lật đá khơi ngòi giếng,
Xoi rừng tia giồng gai.
Khi gặp khách Nam hải,
Tiếng Mường biết hỏi ai ?

2 — VÔ NGẠI THƯỢNG NHƠN. — Ngài tu ở chùa Sơn Tinh hạt Cửu Châu (Thanh Hóa). Bấy giờ là thời vua Võ Hậu nhà Đường (685) có thi hào Thâm Thuyền Kỳ qua An-nam chơi, có đến yết kiến thượng nhân, tự xưng làm đệ tử, sau có làm bài thơ lưu giãn đề tỏ lòng khen ngợi kính phục ngài :

YẾT CỬU CHÂU SƠN TỈNH TỰ VÔ NGẠI THƯỢNG NHÂN.

Đại sĩ sanh Thiên trúc.
Phân thân hóa Nhật Nam.
Nhơn trung xuất phiến não,
Sơn hạ tức già lam.
Tiêu giản hương vị sát,
Nguy Phong thạch tác am.
Hầu thuyền thanh cốc nữ,
Khuy giảng bạch viên tham.
Đằng ái vân gian bích,
Hoa thể thạch hạ đàm.
Tuyền hành u cung hảo,
Lâm quải độc y kham.
Đệ tử ai vô thức,
Y vương tích vị đàm.
Siêu nhiên hổ khê tịch.
Chích thọ hạ hư lam.

Dịch : Phật xưa sinh ở Tây

thiên,
Mà nay xuất hiện ở miền
Nhật Nam.

Thoát vòng phiến não cõi
phàm,

Thánh thoi dưới núi già lam
một tòa,

Ngọn khe chớp húi lân la,

Hương là cỏ sát, đá là thần

am.
Chim xanh chực, vượn trắng
dòm,

Sớm mai giảng kệ, chiều hôm
tham thuyền.

Mấy từng mây quần đá chen,

Dây leo chân vách, hoa lên
mặt đàm,

Thiên nhiên sẵn thú tuyền
lâm,

Rừng phơi áo giặt suối đàm
nước hương.

Phận hèn học kém đáng
thương,

Tiếc vì chưa hiểu Y Vương
thế nào,

Hổ khê một bữa may sao.

Đầu non đổ xuống cây cao
một cảnh.

3 — PHỤNG ĐÌNH PHÁP

SU. — Ngài sang Trung Quốc
giảng kinh ở trong cung vua
Đường. khi về có đại thi hào
Dương Cự Nguyên tặng một
bài thơ tiễn biệt :

TỔNG PHỤNG ĐÌNH
PHÁP SU QUI ANNAM :

Cổ hương Nam Việt ngoại,
Vạn lý bạch vân phong.

Kính luận từ thiên khứ,
 Hương hoa nhập hải phùng.
 Lộ đào thanh phạm triệt,
 Thân các hóa thành trùng.
 Tâm đảo trường an mạch,
 Giao châu hậu dạ chung.

Dịch : Quê nhà trông cõi Việt

Mây bạc tit mù xa.
 Cửa thời vắng kính kê.
 Mặt bể nổi hương hoa,
 Sóng gợn cò im bóng,
 Thành xây hến mấy tòa.
 Trường an lòng quán quít,
 Giao Châu chuông đêm tà...

4 — DUY GIÁM PHÁP

SU.— Ngài cũng sang Trung Quốc giảng kinh trong cung vua Đường. ngài ở lâu năm già mới về cố hương. Thi hào Cồ Đảo có bài thơ tiễn biệt:

TỔNG ANNAM DUY GIÁM PHÁP SU :

Giảng kinh xuân điện lý,
 Hoa nhiều ngự sàng phi.
 Nam hải kỷ hồi quá,
 Cưu sơn lâm lão qui.
 Xúc phong hương tồn ấn,
 Lộ vũ khánh sanh y.

Không thủy ký như bi
 Vãng lai tiêu tức hy.

Dịch : Điện xuân giảng kinh luận.

Giường ngự vương mùi hoa,
 Bề nam quan lối cũ,
 Non Việt viễn tuần già
 Ấn mòn khi gió táp.
 Áo lấm lúc mưa sa
 Kia kia trời lẫn nước.
 Tin tức biết bao xa.

Xem đó, ta lại biết thêm đại khái Phật giáo ở nước ta về thời thuộc Đường. Tang già Annam mà được sang giảng kinh trong cung vua cũng là một sự hiếm có ; mà bấy giờ bên Trung quốc đời Đường Phật giáo đương hồi thịnh, hẳn không thiếu gì cao tăng, mà Tăng-già ta được dự vào việc giảng kinh, kẻ cũng là một điều chứng nhận vẻ vang cho lịch sử Phật giáo Việt Nam vậy.

Ấy là trong thời kỳ thuộc nhà Đường, nước ta bị sống dưới cái chính thể cay nghiệt quá, nên trong nước thường có những cuộc khởi nghĩa, hoặc như nước ngoài quấy nhiễu như năm Khai Nguyên thứ 10 (722) có Mai-hắc-Đế

(Còn nữa)

**ăn
vỗ
dừa**

thầy võ dừa

SỢ

D Ì N chúng đồ thiêng, Sẻ
goòng, Gia định, còn nhớ
rất rõ ràng nghĩa là còn nóng
hồi mới đây chưa đầy 2 năm
Chùa «Vạn thọ» (tân định), thuộc
xóm chùa» có đăng tải trên các
mặt - báo chí, là mở lớp y tá
cấp tốc, dành riêng cho Tăng
ni ! Người trí thức, bậc hậu côn
đọc qua cột báo lác đầu thờ
ra, Rằng.. Cái nghề y tá mà
cũng có dạy cấp tốc. Và tự
vấn lấy lương tâm, không
hiều mấy ông thầy tu, lo đi
học y tá, y tiếc đề làm gì
không biết, nghề ấy là nghề
phành da, chích chọt phải đề
dành cho lớp cư sĩ mới phải
vì cái số đề tóc là lớp người
cư sĩ, rủi ro đã bị con dùm
vợ dất, nên không được cái
may mắn là ôn nhuần kinh
sử, học pháp giải, thoát đề
đem niềm an vui mà dạy đời
và độ mình, còn mấy thầy đã

được một cái vinh hạnh, là không quản quít nợ trần gian, nên rảnh rỗi đủ phương tiện học hành và tu luyện, thì sao không lo tu luyện học hành cho thành một bậc cao Tăng thiền đức trao dồi văn chương lỗi lạc, đề được xứng đáng, không hổ với Trời và thẹn với người, trái lại đi học cái nghề châm chích ấy mất hết thời gian năm sáu tháng gì đó, mà học là học vậy, chứ năm sáu tháng có ăn nhằm gì đâu đâu tốt nghiệp cũng không ra cái thứ gì cả. Thấy lẽ thấy, mà châm chích cũng lẽ châm chích. Nếu vị nào có muốn cứu nhân độ thế bằng pháp môn «*y phương minh*» thì nên học đậu tú tài đôi rỗi, đi học Bác sĩ đề về mở nhà thương Phật giáo, mà độ đời giúp đạo luôn một thể, vì xét thấy Phật giáo chiếm 80% nhưng chưa có bệnh viện nào do quý thầy đứng ra đảm trách cả. Chứ cái thứ cứu thương y tá thì bây giờ nhiều như đất cục, cư sĩ làm nghề ấy còn thất nghiệp lên, thất nghiệp xuống hưởng chi mấy thầy lại bỏ việc học, việc

tu, đề về đi học cứu thương y tá, thì thật là uổng quá xá, lỡ cỡ cả hai.

Nhưng nói thì nói chứ có biết còn hơn không, và cứu được một người hưởng phước một người, chứ chẳng sao? Song không biết lớp cứu thương y tá cấp tốc dạy cho nhà sư này có đem lại thiết thực ích lợi như sự lý thuyết hay không? Câu hỏi thắc mắc ấy còn đang ăn sâu tiềm thức mọi người — thì đừng một cái nghe chùa Vạn Thọ Tăng chúng chẳng những lớp y tá cứu thương mà kể cả sổ thường trụ ở đó hơn một trăm người cũng bị đuổi đi cấp tốc. Đuổi gấp hơn «*chà và*» đuổi nhà đuổi phố, trong sự hồ tương còn có mấy ông giáp văn Thập, phụ khuân đồ vớt ra sân nghĩa là phải đi gấp trong 24 tiếng đồng hồ, xét nghĩ từ cớ chỉ kim từ âu sang Á chưa có vụ đuổi nhà nào, tàn nhẫn như vụ Tăng chúng ở Vạn Thọ bị đuổi. Đuổi trong dịp gần tết. Người ngoại cuộc như anh em chúng tôi trông thấy phát ngán và lắc đầu thờ dài rằng: Dạy bằng bó mà chính vết thương lòng

của mình không thể bằng bố được thì đừng nên dạy và cũng đừng hy vọng là đi bằng bố cho người khác. Dù sao đi nữa trong nhà nên hư đóng cửa dạy nhau, và cố hư cũng hư một vài người chứ chẳng lẽ hư hết hàng trăm người hay sao. Ở ngoài đời cư sĩ có câu (khi cơm không lành canh không ngon giận nhau đánh đá đập đồ chút đỉnh, nhưng hết cơn giận thì trong nhà đóng cửa dạy nhau ôm nhau hôn hít cười hòa mà nằng nể những cái khuyết đã xảy ra; huống chi đàn ông này đã là tu hành chùa Vạn Thọ (cái tên nghe đẹp làm sao) và mới vừa mở dạy lớp y tá cứu thương cấp tốc để bằng bố những vết thương của đời, thì bây giờ vết thương của chủ nó, của người đứng ra dạy và kẻ cả người trong Chùa ai bằng bố cho đây,

Hôm nay ngày 13-4-1967 lật tờ nhật báo lại cũng chùa Vạn Thọ nữa — Chùa Vạn Thọ tổ chức lớp Sư phạm cấp tốc cũng

là cấp tốc, cứu thương cấp tốc, đuổi đi cấp tốc, rồi bi giờ mở lớp sư phạm cũng cấp tốc và mĩa mai thay lớp Sư phạm này cũng giành riêng cho Tăng ni học để đi dạy đời và giúp đời, và những người học làm nhà giáo mô phạm ấy phải có bằng trung học đệ nhất cấp hoặc trình độ có chứng chỉ cao hơn.

Xếp tờ báo lại suốt đêm nằm không ngủ được, không phải vì buồn tủi điều gì, mà vì cái bệnh hay cười thầm nên ngủ không được. Sáng ngày sau vội tìm mấy vị Sư tôi quen, đem cật báo ấy đi cõ động đề quý vị biết mà về ghi tên đi học làm nhà giáo mô phạm cấp tốc. Quý vị ấy cũng đồng một quan điểm như tôi, quý vị ấy còn thõ ra một cái phào và nói thêm một câu Ặn vô dựa thấy vô dựa sợ.

TRÌ LUẬT
(người Thúc)

Tuyển tập

THI, NHẠC, HỌA

(Cúng dường PHẬT ĐÀN 2511)

Do Ấn quán Phổ-Đà-Sơn xuất bản
và chào mừng bạn đọc trước ngày
Phật-Đàn một tuần.



- Nhiều nét họa linh động
- Nhiều bài nhạc giá trị
- Nhiều văn thơ tuyệt tác

~~~~~  
Nhất là giới Học sinh, Sinh  
viên và những người yêu văn  
nghệ không thể thiếu món ăn  
tinh thần giá trị.

# HỒ SEN NON



## MỜI GỬI CÁC EM BÉ TÍ HON

Vạn nài và cầu xin mãi Đại-Đức chủ nhiệm mới dành cho một cái hồ mà thả sen để thế giới an-lạc thêm một mùi hương.

Đáng lẽ «HỒ SEN NON» này phải nở hoa đúng vào mùa hạ, nhưng vì loại sen «bách điệp» nên có thể nở từ mùa. Đại-đức chủ nhiệm còn dặn người phụ trách hồ này, chỉ chọn giống dưới 13 lá (nghĩa là tuổi đời dưới tuổi 13, thuộc loại bé tí hon)

Viết cánh thư này mong nó đến tận tay với tất cả các ngò sen đang mơ ước nở đê đầm chồi này lộc, chuẩn bị cung ứng cho đời một đóa hoa thanh khiết. Bảo tin mừng cho các «NGÒ SEN» rằng: kể từ đây đã có đất gieo giống đủ nhân duyên ngày mai trở thành những đóa hoa giúp đời. Các em đừng chần chờ gì nữa gởi gộp về đê HỒ SEN NON ngày càng xanh tốt.

Thề lệ nhận bài không phân biệt nam nữ tôn giáo sắc thái hay giai tầng, ghi một mặt giấy nội dung hồn nhiên tươi trẻ, nhận tất cả các loại văn, thơ nhạc họa, nhưng nhớ là viết rất ngắn. Bài không được chọn không hoàn bản thảo nhớ ghi rõ tên họ địa chỉ và «tuổi nơi học để tiện việc gởi báo biểu. Thân mến chào các em. Hẹn gặp nơi HỒ SEN NON

CỘNG SEN



Kỳ này Hồ Sen non chọn được Ba ngó  
Sen xin g iới thiệu với các em và độc giả

## Nhớ thương

*lũ em lĩa lũy tre xanh  
Nhớ con sông cũ, hồi kinh chùa chiền  
Nhớ đôi tường xám phong rêu  
Mái cong ngói đỏ dượm nhiều nắng sương  
Vị sự già dưới nắng hồng  
Thân di trên đất tình thương vô bờ  
Em xa chốn cũ ngày thơ  
Nhớ thương chẳng biết bao giờ về thăm*

NGÓ SEN NGUYỄN-THỊ NGỌC-LAN  
(Bàn Cờ)



## Hồn nhiên

Có một loài sen trắng  
Chỉ nở trong hồn em  
Vừa thơm mùi hoa Đạo  
Vừa thơm mùi hồn-nhiên  
Loài hoa thủy-mị lắm  
Tươi mát như mùa Xuân  
Em vẫn thường vụng dại  
Dâng hoa dâng cúng dường  
Hương hoa sen tinh-khiết  
Rơi mát hồn em thơ  
Ru em vào giấc ngủ  
Qua bờ giấc xinh mơ  
Sắc hoa vương mùi Đạo  
Xinh-xắn tuổi hồn nhiên  
Như mùa Xuân cổ-tự  
Bằng-bạc nắng lam hiên

NGÓ SEN VÀM-THỊ-TRÀ-VINH

# Bầy chim trắng

(trao các bé Oanh Vũ Giác Minh)

Em yêu bầy chim trắng  
Trong bầu trời ngọt nắng lưu-ly  
Từ mười phương tung cách bay về  
Cùng ngự dưới đài sen hoàng đạo  
Em yêu vầng Pháp bản  
Như nước ngọt, như trăng thanh  
Khắp không gian Thiền nhạc tấu an lành  
Như mùa Xuân vĩnh-cửu  
Nên áo trắng em bay chung về tổ  
Chung bàn tay xây-dựng đạo-thiên  
Chung lời ca em về với Từ-Nghiêm  
Từng sen nhỏ kết làm hoa cúng Phật  
Bầy chim trắng trong tình thơ bát ngát  
Tuổi yêu đời em sống Đạo hồn-nhiên  
Và ngày mai tươi sáng vô biên  
Như em vẫn là con chim trắng nhỏ

NGO SEN NGOC-PHƯƠNG

(Mẫu Trắng G-D)

Nhớ đọc mục này kỳ đến  
và thường xuyên  
Cam lồ thủy phụ trách

# TIN MỪNG

## QUAN TRỌNG

Các tự viện cùng đồng bào Phật-tử đang khao khát và tìm thỉnh

### kinh LƯƠNG HOÀNG-SÁM

— Thi dịp may THƯỢNG-TỌA: THÍCH-VIÊN  
GIÁC cho tái bản bộ SÁM-HỐI QUAN TRỌNG  
(kể trên).

*In tại ấn quán Phỏ-đà-son*

Số 68 Nguyễn-huệ Phú-nhuận  
Sài-gòn



Quý vị cần in để phổ-biến hay ấn-tống xin  
thư về địa chỉ Ấn-quán Phỏ-đà-Son quý vị khỏi  
phải tính tiền sắp chữ vì đã sẵn bản chì — GIÁ RẺ  
ĐẶC BIỆT dành riêng quý vị ẤN-TỐNG.

# Chương trình đại cương

Đại Lễ Phật-Đàn 2511

Rằm tháng 4 Đinh-Mùi (23.5.67) Chung Cho toàn quốc,

## I.- Tuần lễ cầu nguyện hòa bình

- Mong 8 khai kinh và luân phiên tụng niệm đến trưa 14 cầu nguyện hòa-bình cho đất nước.
- Tổ chức các buổi thuyết pháp trong ý nghĩa Phật-Đàn và Phật-giáo với hòa-bình.

## II.- Các việc khác phải làm trong tuần lễ:

- Tổ chức thăm viếng thân nhân và mộ phần các Thánh Tử đạo.
- Tổ chức ủy lạo các gia-đình nạn nhân các Pháp-nạn.
- Tổ chức công tác Từ Thiện xã hội.
- Treo cờ đèn tại các cơ quan Giáo-hội; các chùa và tư gia Phật-tử.
- Kêu gọi trai giới trong hàng Phật-tử suốt tuần lễ và đình chỉ sát sinh ngày Phật Đản.
- Tổ chức lễ cầu siêu chư Thánh Tử Đạo, chiến sĩ trận vong, nạn nhân pháp nạn và chiến tranh vào tối 14-4.

## III.- Cử hành đại lễ chính thức:

- 5 giờ các chùa cử hành lễ giảng thần và lễ TẮM phật.
- 6 giờ tập hợp đông đủ tại địa điểm hành lễ thống nhất tại địa phương.
- 7 giờ cử hành đại lễ Phật đản chính thức (chương trình nghi lễ do Ban tổ chức địa phương soạn).
- 12 giờ cúng ngọ
- 18 giờ thí thực
- 20 giờ thuyết pháp
- 22 giờ hoàn kinh và bế mạc.

BC : Chương trình này có thể cụ thể hóa chi tiết tùy hoàn cảnh địa phương. Nhưng tuyệt đối không được dời đổi lui tới giờ hành lễ chính thức 7 giờ sáng Rằm tháng 4 Phật đản.

*Trưởng Ban Tổ chức Phật Đản Trung Ương*  
*Thượng Tọa THÍCH THIÊN-HOÀ*

(xin xem tài liệu và bài giảng số 12)

# **Giới thiệu sách**

\* Tòa soạn ANLẠC đã nhận được tập THƠ

## **mười năm**

của thi sĩ NGŨ HÀ MIÊN

Để tài mười năm và ý thơ cũng mười năm  
thành thật cảm ơn tác giả và xin giới thiệu  
cùng bạn đọc.



\* Tòa soạn ANLẠC đã nhận được giai phẩm

## **tuổi hoa đất**

của trường Nông Lâm Súc Cần Thơ

Thành thật cảm ơn ban Giáo Sư và Ban biên tập

**Dùng sơn « FALÉKOTE »**  
**CỦA HÀNG SƠN LA PHALENE**

- Do kỹ sư chuyên môn chế tạo theo công thức Âu Mỹ.
- **ĐẶC TÍNH:** Chịu đựng nổi tất cả các chất hóa học như acide và soude, nước biển. v.v...
- **CÔNG DỤNG:** Sơn trên xi-măng, hồ tắm, hồ chứa nước, lơn hộp đựng thức ăn, nóc nhà tôle hay goudron, sơn đường lộ, máy móc và dụng cụ, tủ lạnh, quạt máy, v.v...

Đặc biệt dùng sơn tàu thủy, hors-bord- được các cơ quan công quyền chứng nhận không kém sơn ngoại quốc.

**Hãng Sơn LA PHALENE**  
13, NGÕ ĐỨC KẾ  
SAIGON — Đ.T. 21.304

# MÙA PHẬT ĐẢN

2511



Các Tự Viện và Phật Tử trong toàn quốc cần in cờ giấy để trang hoàn cho mùa **PHẬT ĐẢN 2511**.

Xin gởi thư về «**Ấn quán Phổ-Đà-sơn**» (nhà in của Phật giáo).

Địa chỉ : Chùa **QUÁN-THẾ-ÂM**  
68, Nguyễn-Huệ Phú-nhuận Saigon

- \* Quý vị sẽ được hưởng một giá rẽ đặc biệt.
- \* Riêng **ĐÀ-NẴNG, HUẾ** và các đơn vị **TUYÊN ÚY PHẬT-GIÁO** lại còn hưởng thêm một đặc ân : «**TRỪ BA MƯƠI**

**PHẦN TRĂM**» (so với tỷ-lệ của các nơi khác).

Cờ in trên giấy và mực ngoại quốc — Giao tận địa phương, in rất đẹp và nhanh chóng.

## THUỐC BỎ MÁU BỒI BỎ CƠ THỂ

### Ngũ Tạng Tinh LA VẠN LINH

**Trị:** Các bệnh thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi, biếng ăn, ít ngủ, lão tâm lao lực, gầy yếu, đau lưng, đau mới khởi. Phụ nữ kinh kỳ không đúng, khí huyết suy kém.

**Các chứng ho** Ho khan, ho có đàm, ho phong, ho rang ngực, ho lâu ngày ngủ không được, gầy yếu, mệt mỏi, ho về đêm ho suyễn. Sễn phụ ho dầy dụa không dứt.

Cần trị với **PHỄ TẠNG BỬU** LA VẠN LINH

### CƠ THỂ BÀI HOẠI, THẬN YẾU

Hay đái đêm, nhức đầu, mệt mỏi, đau lưng, di mộng huyệt tinh, sinh lực suy kém dùng thuốc

BỒ THẬN **Thận Trung Bửu** LA VẠN LINH

**CÁC CHỨNG BỆNH:** Tê thấp, đau xương, nhức gân, tê bại, oải gân, đi đứng khó khăn, ngoài da tê lạnh, tê đầu ngón tay ngón chân, tê rần nửa thân mình; đau lưng nhức mỏi. Già cả ban đêm đau mình khó ngủ, các chứng Phong thấp

**NÊN DÙNG Hoàn - Kiện - Đơn** La Vạn Linh

2 loại : (hoàn mật và ngâm rượu) — Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc.

**Tổng phát hành :** 532 Đồng Khánh CHOLON

K.N, 605-608 ngày 18-12-1963

# MỤC LỤC

|            |                                 |                             |
|------------|---------------------------------|-----------------------------|
| 3          | ai thắng                        | ĐỨC THÔNG BỪ                |
| 9          | vị thánh tăng                   | T.T. MINH CHÂU              |
| 15         | trách nhiệm sau này về ai (thơ) | NGUYỄN VĂN PHỤNG            |
| 17         | lễ qui y cho đàn bò             | ĐẠI ĐỨC THÔNG BỪ            |
| 23         | nói với nhau (thơ)              | HỨA ĐÌNH ANH                |
| 24         | nhà cách mạng nguyên thức canh  | ĐÔNG TÙNG                   |
| 28         | ôi miền trung (thơ)             | SONG THANH                  |
| 29         | đi lễ chùa                      | MINH THẮNG                  |
| 34         | ước nguyện                      | BÀNG GIANG                  |
| 41         | tô tiêu muối                    | HUỖNH THUỜNG CHÍ            |
| 49         | muốn có một chính phủ mạnh      | LONG NGÀ<br>TRẦN NHƯ NGUYỄN |
| 63         | an lạc viếng thăm vùng hòa hoạn | T.C AN LẠC                  |
| 66         | mười lăm phút sau cùng          | T ĐÔNG PHƯƠNG               |
| 74         | ta nên nghĩ                     | HÀN PHONG HUYỀN TRANG TỬ    |
| 76         | lược sử                         | THUỜNG TOA MẶT THỀ          |
| 82         | ăn vỏ dừa thấy vỏ dừa sợ        | TRÌ LUẬT (người thức)       |
| 86         | hồ sen non                      | CAM LỒ THUY                 |
| (hình bìa) | đón ánh hào quang               | HỌA SĨ VĂN-TRẠCH            |